

Chương nhập môn
ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ,
NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập (3-2-1930). Từ thời điểm lịch sử đó, lịch sử của Đảng hòa **quyện cùng** lịch sử của dân tộc Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo và đưa sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, “có được cơ đồ là vị thế như ngày nay”¹. “*Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”².

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chuyên ngành lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã được nghiên cứu từ rất sớm. Năm 1933, tác giả Hồng Thế Công (tức Hà Huy Tập) đã công bố tác phẩm *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương*. Ở các thời kỳ lịch sử của Đảng, Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo đã tình bày lịch sử và có những tổng kết quan trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã nêu rõ nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết lịch sử Đảng, nhất là tổng kết kinh nghiệm, bài học lãnh đạo của Đảng, con đường và quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam.

Năm 1962, cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng là Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương được thành lập (nay là Viện Lịch sử Đảng). Từ những năm 60 của thế kỷ XX, bộ môn lịch sử Đảng đã được giảng dạy, học tập chính thức trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị khóa VII, ngày 13-7-1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 255CT thành lập Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, trang 20.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 88.

Giáo trình bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam dùng trong các trường đại học được biên soạn lần này là sự kế thừa và phát triển các giáo trình đã biên soạn trước đây, phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo quan điểm của Đảng.

I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

1. Trước hết là các sự kiện lịch sử Đảng. Cần phân biệt rõ sự kiện lịch sử Đảng gắn trực tiếp với sự lãnh đạo của Đảng. Phân biệt sự kiện lịch sử Đảng với sự kiện lịch sử dân tộc và lịch sử quân sự trong cùng thời kỳ, thời điểm lịch sử. Môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống *các sự kiện lịch sử Đảng*, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...

Sự kiện lịch sử Đảng là hoạt động lãnh đạo, đấu tranh phong phú và oanh liệt của Đảng làm sáng rõ bản chất cách mạng của Đảng với tư cách là một đảng chính trị “là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”. Hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng làm rõ thắng lợi, thành tựu của cách mạng, đồng thời cũng thấy rõ những khó khăn, thách thức, hiểu rõ những hy sinh, cống hiến lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, sự hy sinh, phấn đấu của các tổ chức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, của mỗi cán bộ, đảng viên, với những tấm gương tiêu biểu. Các sự kiện phải được tái hiện trên cơ sở tư liệu lịch sử chính xác, trung thực, khách quan.

2. Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn. Lịch sử Đảng có đối tượng nghiên cứu là Cương lĩnh, đường lối của Đảng, phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh, đường lối đúng đắn là điều kiện trước hết quyết định thắng lợi của cách mạng. Phải không ngừng bổ sung, phát triển đường lối phù hợp với sự phát triển của lý luận và thực tiễn và yêu cầu của cuộc sống; chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nếu sai lầm về đường lối sẽ dẫn tới đổ vỡ, thất bại.

Đảng đã đề ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2-1930); Luận cương chính trị (10-1930); Chính cương của Đảng (2-1951) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6-1991) và bổ sung, phát triển năm 2011. Quá trình lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh trên những vấn đề nổi bật ở mỗi thời kỳ lịch sử. Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Đường lối kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới. Đường lối quân sự. Đường lối đối ngoại.v.v. Đảng quyết định những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng. Đảng là người tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân hiện thực hóa đường lối đưa đến thắng lợi.

3. Đảng lãnh đạo thông qua quá trình *chỉ đạo, tổ chức thực tiễn* trong tiến trình cách mạng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ *thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam* do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới. Từ một quốc gia phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, một nước thuộc địa, bị đế quốc, thực dân cai trị, dân tộc Việt Nam đã giành lại độc lập bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử; tiến hành hai cuộc kháng chiến giải phóng, bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước; thực hiện công cuộc đổi mới đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đảng cũng thẳng thắn nêu rõ những khuyết điểm, hạn chế, khó khăn, thách thức, nguy cơ cần phải khắc phục, vượt qua.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng là giáo dục sâu sắc những kinh nghiệm, bài học trong lãnh đạo của Đảng. Tổng kết kinh nghiệm, bài học, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam là công việc thường xuyên của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử. Đó là nội dung và yêu cầu của công tác lý luận, tư tưởng của Đảng, nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ của Đảng. Lịch sử Đảng là quá trình nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Cần nhận thức rõ và chú trọng giáo dục những truyền thống nổi bật của Đảng: truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng; truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng; truyền thống gắn bó mật thiết với nhân dân, vì lợi ích quốc gia, dân tộc; truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

4. Nghiên cứu Lịch sử Đảng là làm rõ hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nêu cao hiểu biết về *công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử* về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Xây dựng Đảng về chính trị bảo đảm tính đúng đắn của đường lối, củng cố chính trị nội bộ và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng. Xây dựng Đảng về tư tưởng “Đảng lấy

chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Xây dựng Đảng về tổ chức, củng cố, phát triển hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức cơ bản”. Xây dựng Đảng về đạo đức với những chuẩn mực về đạo đức trong Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay.

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Là một ngành của khoa học lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử, đồng thời có những điểm cần nhấn mạnh.

1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

Trước hết đó là *chức năng nhận thức*. Nghiên cứu và học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức lịch sử lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng, nhận thức rõ về Đảng với tư cách một Đảng chính trị-tổ chức lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Quy luật ra đời và phát triển của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng được trang bị học thuyết lý luận, có Cương lĩnh, đường lối rõ ràng, có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, hoạt động có nguyên tắc. Từ năm 1930 đến nay, Đảng là tổ chức lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng trở thành Đảng cầm quyền, nghĩa là Đảng nắm chính quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng thường xuyên tự xây dựng và chỉnh đốn để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trước đất nước và dân tộc.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn nhằm nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc-thời đại Hồ Chí Minh, góp phần bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Nâng cao nhận thức về giác ngộ chính trị, góp phần làm rõ những vấn đề của khoa học chính trị (chính trị học) và khoa học lãnh đạo, quản lý. Nhận thức rõ những vấn đề lớn của đất nước, dân tộc trong mối quan hệ với những vấn đề của thời đại và thế giới. Tổng kết lịch sử Đảng để nhận thức quy luật của cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần quán triệt *chức năng giáo dục* của khoa học lịch sử. Giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Tinh thần đó hình thành trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc và phát triển đến đỉnh cao ở thời kỳ Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục lý

tướng cách mạng với mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là sự giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao nhận thức tư tưởng, lý luận, con đường phát triển của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần chiến đấu bất khuất, đức hy sinh, tính tiên phong gương mẫu của các tổ chức đảng, những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò quan trọng trong giáo dục truyền thống của Đảng và dân tộc, góp phần giáo dục đạo đức cách mạng, nhân cách, lối sống cao đẹp như Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”.

Cùng với hai chức năng cơ bản của sử học là *nhận thức* và *giáo dục*, khoa học lịch sử Đảng còn có chức năng *dự báo* và *phê phán*. Từ nhận thức những gì đã diễn ra trong quá khứ để hiểu rõ hiện tại và dự báo tương lai của sự phát triển. Năm 1942, trong tác phẩm *Lịch sử nước ta*, Hồ Chí Minh đã dự báo: “Năm 1945 Việt Nam độc lập”. Sau này, Người còn nhiều lần dự báo chính xác trong 2 cuộc kháng chiến. Lãnh đạo đòi hỏi phải thấy trước. Hiện nay, Đảng nhấn mạnh nâng cao năng lực dự báo. Để tăng cường sự lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Phải kiên quyết phê phán những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, hư hỏng. Hiện nay, sự phê phán nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng

Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng được đặt ra từ đối tượng nghiên cứu đồng thời cụ thể hóa chức năng của khoa học lịch sử Đảng.

- *Nhiệm vụ trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối của Đảng.* Khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ hàng đầu là khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Mục tiêu và con đường đó là sự kết hợp, thống nhất giữa thực tiễn lịch sử với nền tảng lý luận nhằm thúc đẩy tiến trình cách mạng, nhận thức và cải biến đất nước, xã hội theo con đường đúng đắn. Sự lựa chọn mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử, đã và đang được hiện thực hóa.

- *Nhiệm vụ tái hiện tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng.* Từ hiện thực lịch sử và các nguồn tư liệu thành văn và không thành văn, khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ rất quan trọng và làm rõ những sự kiện lịch sử, làm nổi bật các thời kỳ, giai đoạn và dấu mốc phát triển căn bản của tiến trình lịch sử, nghĩa là tái hiện quá trình lịch sử lãnh đạo và đấu tranh của Đảng. Những kiến thức, tri thức lịch sử Đảng được làm sáng

tổ từ vai trò lãnh đạo, hoạt động thực tiễn của Đảng, vai trò, sức mạng của nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoạt động của Đảng không biệt lập mà thống nhất và khơi dậy mạnh mẽ nguồn sức mạnh từ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc.

- *Nhiệm vụ tổng kết lịch sử của Đảng.* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không dừng lại mô tả, tái hiện sự kiện và tiến trình lịch sử, mà còn *có nhiệm vụ tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận* của cách mạng Việt Nam. Kinh nghiệm lịch sử gắn liền với những sự kiện hoặc một giai đoạn lịch sử nhất định. Bài học lịch sử khái quát cao hơn gắn liền với một thời kỳ dài, một vấn đề của chiến lược cách mạng hoặc khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử của Đảng. Quy luật và những vấn đề lý luận ở tầm tổng kết cao hơn. Hồ Chí Minh nêu rõ:

“Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”³.

“Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận”⁴.

Hồ Chí Minh nhiều lần đặt ra yêu cầu phải tổng kết, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam. Qua nhiều lần tổng kết, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định:

“Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn”⁵.

“Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử”⁶.

- Một nhiệm vụ quan trọng của lịch sử Đảng là làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở trong lãnh đạo, tổ chức thực tiễn. Những truyền thống nổi bật của Đảng. Trí tuệ, tính tiên phong, gương mẫu, bản lĩnh của cán bộ, đảng viên. Tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo, những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong các thời kỳ cách mạng. Những giá trị truyền thống, đức hy sinh và tấm gương tiêu biểu luôn luôn là động lực cho sự phát triển và bản chất cách mạng của Đảng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (10-2016) khẳng định: “Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta-Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”.

³ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 5, trang 273.

⁴ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 5, trang 312.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, trang 356.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, trang 66.

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Quán triệt phương pháp luận sử học

Phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần dựa trên phương pháp luận khoa học mác xít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật. Chú trọng nhận thức lịch sử theo quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển và lịch sử cụ thể. Tư duy từ thực tiễn, từ hiện thực lịch sử, coi thực tiễn và kết quả của hoạt động thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo. Nhận thức rõ các sự kiện và tiến trình lịch sử trong các mối quan hệ: nguyên nhân và kết quả, hình thức và nội dung, hiện tượng và bản chất, cái chung và cái riêng, phổ biến và đặc thù.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là kết quả của tư duy biện chứng, khoa học để xem xét, nhận thức lịch sử. Khi nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cần thiết phải nhận thức, vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử để nhận thức tiến trình cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Lý luận về hình thái kinh tế-xã hội; về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về dân tộc và đấu tranh dân tộc; về vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử; về các động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội và lịch sử; về cách mạng xã hội và tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản.

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn dắt sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy, phong cách khoa học của Người là cơ sở và định hướng về phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng sáng tạo, chống chủ nghĩa giáo điều và chủ quan duy ý chí.

2. Các phương pháp cụ thể

Khoa học lịch sử và chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đều sử dụng hai phương pháp cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic, đồng thời chú trọng vận dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập các môn khoa học xã hội khác.

Phương pháp lịch sử

“*Phương pháp lịch sử là các con đường, cách thức tìm hiểu và trình bày quá trình phát triển của các sự vật và hiện tượng nói chung, của lịch sử loài người nói riêng với đầy đủ tính cụ thể, sống động, quanh co của chúng*”.

“Phương pháp lịch sử là nhằm diễn lại tiến trình phát triển của lịch sử với muôn màu muôn vẻ, nhằm thể hiện cái lịch sử với tính cụ thể hiện thực, tính sinh động của nó. Nó giúp chúng ta nắm vững được cái lịch sử để có cơ sở nắm cái logic được sâu sắc”.

Phương pháp lịch sử đi sâu vào tính muôn vẻ của lịch sử để tìm ra cái đặc thù, cái cá biệt trong cái phổ biến. Các hiện tượng lịch sử thường hay tái diễn, nhưng không bao giờ hoàn toàn như cũ; phương pháp lịch sử chú ý tìm ra cái khác trước, cái không lặp để thấy những nét đặc thù lịch sử. Phương pháp lịch sử để thấy bước quanh co, có khi thụt lùi tạm thời của quá trình lịch sử. Phương pháp lịch sử đòi hỏi nghiên cứu thấu đáo mọi chi tiết lịch sử để hiểu vai trò, tâm lý, tình cảm của quần chúng, hiểu điểm và diện, tổng thể đến cụ thể, Chú trọng về không gian, thời gian, tên đất, tên người để tái hiện lịch sử đúng như nó đã diễn ra. Phương pháp lịch sử không có nghĩa là học thuộc lòng sự kiện, diễn biến lịch sử mà phải hiểu tính chất, bản chất của sự kiện, hiện tượng, do đó không tách rời phương pháp logic.

Phương pháp logic

“Phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng lịch sử trong hình thức tổng quát, nhằm mục đích vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung trong sự vận động của chúng”.

Phương pháp logic đi sâu tìm hiểu cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại của các hiện tượng, các sự kiện, phân tích, so sánh, tổng hợp với tư duy khái quát để tìm ra bản chất các sự kiện, hiện tượng. Xác định rõ các bước phát triển tất yếu của quá trình lịch sử để tìm ra quy luật vận động khách quan của lịch sử phương pháp logic chú trọng những sự kiện, nhân vật, giai đoạn mang tính điển hình. Cần thiết phải nắm vững logic học và rèn luyện tư duy logic, phương pháp logic có ý nghĩa quyết định đến sự nhận thức đúng đắn thế giới khách quan, hiện thực lịch sử, thấy rõ được hướng phát triển của lịch sử. Từ nắm vững quy luật khách quan mà vận dụng vào thực tiễn cách mạng, góp phần chủ động cải tạo, cải biến thế giới và lịch sử.

Chỉ có nắm vững phương pháp lịch sử và phương pháp logic với có thể hiểu rõ bản chất, nhận thức đúng đắn, giảng dạy và học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam một cách có hiệu quả, với tư cách một môn khoa học. Phương pháp lịch sử và phương pháp logic có quan hệ mật thiết với nhau và đó là sự thống nhất của phương pháp biện chứng mác xít trong nghiên cứu và nhận thức lịch sử. Các phương pháp đó không tách rời mà luôn luôn gắn với nguyên tắc tính khoa học và tính đảng trong khoa học lịch sử và trong chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cùng với hai phương pháp cơ bản là phương pháp lịch sử, phương pháp logic, nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần coi trọng *phương pháp tổng kết*

thực tiễn lịch sử gắn với nghiên cứu lý luận để làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật phát triển và những vấn đề về nhận thức lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Chú trọng *phương pháp so sánh*, so sánh giữa các giai đoạn, thời kỳ lịch sử, so sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử, làm rõ các mối quan hệ, so sánh trong nước và thế giới.v.v.

Phương pháp học tập của sinh viên, hết sức coi trọng nghe giảng trên lớp để nắm vững những nội dung cơ bản của từng bài giảng của giảng viên, và nội dung tổng thể của môn học. Thực hiện *phương pháp làm việc nhóm*, tiến hành thảo luận, trao đổi các vấn đề do giảng viên đặt ra để hiểu rõ hơn nội dung chủ yếu của môn học. Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập. Tổ chức các cuộc làm việc tại bảo tàng lịch sử quốc gia, bảo tàng địa phương và các di tích lịch sử đặc biệt gắn với sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện kiểm tra, thi cử theo đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của các trường đại học.

Nghiên cứu, giảng dạy, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần chú trọng phương pháp vận dụng lý luận vào thực tiễn. Điều đó đòi hỏi nắm vững lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, bao gồm triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn luôn liên hệ lý luận với thực tiễn Việt Nam để nhận thức đúng đắn bản chất của mỗi hiện tượng, sự kiện của lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng.

Tính khoa học là sự phản ánh kết quả nghiên cứu sự vật, hiện tượng, sự kiện lịch sử phải đạt đến chân lý khách quan. Tính khoa học đòi hỏi phản ánh lịch sử khách quan, trung thực với những đánh giá, kết hợp dựa trên luận cứ khoa học, tôn trọng hiện thực lịch sử. Tính khoa học yêu cầu phương pháp nghiên cứu sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm. Tính đảng cộng sản trong nghiên cứu lịch sử và lịch sử Đảng là đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức lịch sử một cách khoa học, đúng đắn; là sự phản ánh đúng đắn quan điểm, đường lối của Đảng vì lợi ích của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của dân tộc; là thể hiện tính chiến đấu, biểu dương cái đúng đắn, tốt đẹp, phê phán cái xấu, cái lạc hậu, hư hỏng và những nhận thức lệch lạc, sai trái, phản động của các thế lực thù địch; luôn luôn kế thừa và phát triển sáng tạo. Tính khoa học và tính đảng là thống nhất và đều hướng tới phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, của cách mạng vì lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đối với hệ đại học không chuyên về lý luận chính trị, với phân bổ 2 tín chỉ (30 tiết giảng lý thuyết), tập trung nghiên cứu các chương tương ứng với 3 thời kỳ nổi bật của lịch sử Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới (1975-2018).

Với hệ đại học chuyên lý luận chính trị (3 tín chỉ), giảng viên giảng sâu hơn các thời kỳ lịch sử đồng thời có chương về tổng thể các bài học về sự lãnh đạo của Đảng và có thể giới thiệu có hệ thống, sâu sắc các Cương lĩnh của Đảng. Sinh viên chú trọng hơn tự nghiên cứu.

Với hệ đại học không chuyên về lý luận chính trị, sinh viên cần nắm vững có hệ thống những vấn đề cơ bản của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiểu rõ đặc điểm, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, phong kiến ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sự phát triển tất yếu của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược từ *lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại*. Tình hình đất nước *đen tối như không có đường ra*. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường đấu tranh đúng đắn để tự giải phóng dân tộc, xã hội, vì cuộc sống của nhân dân. Người đã truyền bá lý luận cách mạng là chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam và phát triển sáng tạo học thuyết lý luận đó vào thực tiễn Việt Nam; Chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị, tổ chức, cán bộ để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mùa Xuân năm 1930 với Cương lĩnh chính trị đúng đắn đã mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc theo con đường xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc, lãnh đạo các phong trào cách mạng rộng lớn (1930-1931), (1936-1939) và cao trào giải phóng dân tộc (1939-1945) dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Cần nắm vững tính chất, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám và bản *Tuyên ngôn độc lập* (2-9-1945) - một thời đại mới được mở ra trong lịch sử dân tộc và cách mạng Việt Nam.

Cần hiểu được hoàn cảnh lịch sử những khó khăn, thách thức của thời kỳ mới, Đảng phải có đường lối, chiến lược và sách lược thích hợp để vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng chính quyền nhà nước và chế độ mới. Đề ra đường lối và lãnh đạo kháng chiến làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp đưa đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954) và các nước ký kết Hiệp nghị Geneve (21-7-1954). Đế quốc Mỹ thay thế thực dân Pháp, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 với các chiến lược chiến tranh tàn bạo chống lại dân tộc Việt Nam và phong trào cách mạng giải phóng trên thế giới. Đảng đề ra đường lối, kiên trì lãnh đạo đấu tranh, vượt qua thách thức hiểm nghèo

dẫn đến toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975).

Cần nhận thức rõ quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, với đường lối do Đại hội III của Đảng đề ra (9-1960) và Đảng lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975. Hiểu được quá trình đổi mới tư duy lý luận, khảo nghiệm thực tiễn trong những năm 1975-1986 để hình thành con đường đổi mới đất nước. Nắm vững đường lối đổi mới được hoạch định tại Đại hội VI của Đảng (12-1986). Sự phát triển đường lối và tổ chức thực hiện hơn 30 năm qua đưa đất nước vững bước phát triển trên con đường xã hội chủ nghĩa. Lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, các cuộc kháng chiến, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải vượt qua nhiều nguy cơ, khó khăn, thách thức, trong đó có cả khuyết điểm, yếu kém ở mỗi thời kỳ. Đảng đã kiên cường cùng toàn dân vượt qua, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ hơn những truyền thống vẻ vang của Đảng.

Đối với hệ đại học chuyên lý luận chính trị, sinh viên cần nắm vững và hiểu sâu sắc hơn những vấn đề cơ bản của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu trên đây. Cả giảng dạy và học tập của hệ chuyên lý luận chính trị cần chú trọng khai thác cơ sở lý luận từ chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để làm rõ những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Chú trọng nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của **Karl Marx, Friedrich Engels và V.I.Lênin**, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự vận dụng sáng tạo bản chất cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn Việt Nam đã dẫn tới thắng lợi của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, và quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. đối với chuyên ngành lý luận chính trị, cần thiết phải tổng kết làm rõ điều đó để nâng cao trình độ, năng lực tư duy lý luận, nhận thức sâu sắc hiện thực lịch sử đấu tranh và lãnh đạo của Đảng.

Hệ đại học chuyên ngành lý luận chính trị chú trọng nghiên cứu sâu sắc các Cương lĩnh của Đảng, từ Cương lĩnh đầu tiên (2-1930) đến Luận cương chính trị (10-1930), Chính cương của Đảng (2-1951), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (6-1991) và bổ sung, phát triển năm 2011. Hiểu rõ sự nhất quán, giá trị cách mạng, khoa học, tính toàn diện, phát triển và sáng tạo trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Đó cũng là chuyên đề có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc trong nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng.

Sinh viên hệ chuyên ngành lý luận chính trị tiếp cận và chủ động phát triển tính độc lập trong nghiên cứu, học tập, tham gia tổng kết kinh nghiệm, bài học lịch sử, những quy luật và lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Có thể nghiên cứu,

kế thừa và phát triển những tổng kết quan trọng và rất cơ bản của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1976) tổng kết 45 năm lãnh đạo cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, nhất là 2 cuộc kháng chiến với những bài học có ý nghĩa sâu sắc về lý luận và thực tiễn. Đại hội VI của Đảng (12-1986) tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, thấy rõ sự cần thiết phải đổi mới tư duy lý luận và đề ra đường lối đổi mới. Đại hội XII của Đảng (1-2016) tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định sự phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Với sinh viên chuyên ngành lý luận chính trị, việc nghiên cứu sâu về xây dựng Đảng ở các thời kỳ lịch sử Đảng là rất quan trọng. Từ lý luận về đảng chính trị để nghiên cứu Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách một đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam và từ năm 1945 là Đảng cầm quyền ở Việt Nam. Hiện nay, trên thế giới, mỗi nước đều do một đảng chính trị cầm quyền, trực tiếp nắm bộ máy nhà nước. Nghiên cứu xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam để hiểu rõ Đảng đã được xây dựng như thế nào về chính trị, tư tưởng, lý luận, tổ chức, cán bộ và về đạo đức, bảo đảm giữ vững và nâng cao bản chất cách mạng, khoa học của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt, bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trở thành nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Từ thành công về xây dựng Đảng và thắng lợi của cách mạng, khẳng định những truyền thống vẻ vang của Đảng: truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng; truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất, thật sự vì nước, vì dân; truyền thống gắn bó mật thiết với dân tộc, giai cấp và nhân dân, trưởng thành trong phong trào cách mạng của quần chúng; truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Hiểu rõ những vấn đề xây dựng Đảng trong lịch sử để vận dụng những kinh nghiệm để làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ quan liêu, tham nhũng, xa rời quần chúng và những biểu hiện tiêu cực khác. Thực hiện tốt hơn Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (30-10-2016) *Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, là cả một *pho lịch sử bằng vàng*. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học quý báu có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình lãnh đạo và đấu tranh, để vận dụng, phát

triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Mục tiêu của nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Qua học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng để giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng và thế hệ trẻ gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh **về vang của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.**

Chương 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

MỤC TIÊU

Về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945).

Về tư tưởng:

Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước-sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đầu dựng Đảng.

Về kỹ năng:

Từ việc nhận thức lịch sử thời kỳ đầu dựng Đảng, góp phần trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng.

I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng tháng 2- 1930

1. Bối cảnh lịch sử

Từ nửa sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu-Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế-xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ-Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Trước bối cảnh đó, nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân, đế quốc, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, rộng khắp, nhất là ở châu Á. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chung chống tư bản, thực dân. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản, do V.I.Lênin đứng đầu, được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà cả đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa, giúp đỡ, chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc. Cùng với việc nghiên cứu và hoàn thiện chiến lược và sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành hoạt động truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào đấu tranh ở khu vực này đi theo khuynh hướng vô sản. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua luận cương về dân tộc và thuộc địa do V.I.Lênin khởi xướng. Cách mạng Tháng Mười và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thức tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều đế quốc khác. Sau một quá trình điều tra thám sát lâu dài, thâm nhập kiên trì của các giáo sĩ và thương nhân Pháp, ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược

Việt Nam tại Đà Nẵng và từ đó từng bước thôn tính Việt Nam. Đó là thời điểm chế độ phong kiến Việt Nam (dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn) đã lâm vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Trước hành động xâm lược của Pháp, Triều đình nhà Nguyễn từng bước thỏa hiệp (Hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 6-6-1884 với Hiệp ước Patenôt (Patenotre) đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp, Việt Nam trở thành “một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác”⁷.

Tuy triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn không chịu khuất phục, thực dân Pháp dùng vũ lực để bình định, đàn áp sự nổi dậy của nhân dân. Đồng thời với việc dùng vũ lực đàn áp đẫm máu đối với các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, bên cạnh đó vẫn duy trì chính quyền phong kiến bản xứ làm tay sai. Pháp thực hiện chính sách “chia để trị” nhằm phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong *Liên bang Đông Dương thuộc Pháp* (Union Indochinoise)⁸ được thành lập ngày 17-10-1887 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp.

Từ năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành **các cuộc khai thác thuộc địa** lớn: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) do toàn quyền Đông Dương Paul Doumer (**Pôn du me**) **thực hiện** và khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929). Mưu đồ của thực dân Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của “chính quốc”, đồng thời ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề.

Chế độ cai trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam là “chế độ độc tài chuyên chế nhất, nó vô cùng khả ố và khủng khiếp hơn cả chế độ chuyên chế của nhà nước quân chủ châu Á đời xưa”⁹. Năm 1862, Pháp đã lập nhà tù ở Côn Đảo để giam cầm những người Việt Nam yêu nước chống Pháp.

Về văn hoá-xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ cai trị, lập nhà tù nhiều hơn trường học, đồng thời du nhập những giá trị phản văn hoá, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam, ra sức tuyên truyền tư tưởng “khai hoá văn minh” của nước “Đại Pháp”...

Chế độ áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó cũng có thái độ

⁷ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, trang 401.

⁸ Bao gồm: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao.

⁹ Phan Văn Trường: Bài đăng trên tờ *La Cloche Félée*, số 36, ngày 21-1-1926.

chính trị khác nhau đối với vận mệnh của dân tộc.

Dưới chế độ phong kiến, giai cấp địa chủ và nông dân là hai giai cấp cơ bản trong xã hội, khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, giai cấp địa chủ bị phân hóa.

Một bộ phận địa chủ câu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp trong việc ra sức đàn áp phong trào yêu nước và bóc lột nông dân; Một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc khởi xướng và lãnh đạo các phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương; Một số trở thành lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân Pháp và phong kiến phản động; Một bộ phận nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất (khoảng hơn 90% dân số), đồng thời là một giai cấp bị phong kiến, thực dân bóc lột nặng nề nhất. Do vậy, ngoài mâu thuẫn giai cấp vốn có với giai cấp địa chủ, từ khi thực dân Pháp xâm lược, giai cấp nông dân còn có mâu thuẫn sâu sắc với thực dân xâm lược. “Tinh thần cách mạng của nông dân không chỉ gắn liền với ruộng đất, với đời sống hằng ngày của họ, mà còn gắn bó một cách sâu sắc với tình cảm quê hương đất nước, với nền văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc”¹⁰. Đây là lực lượng hùng hậu, có tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất cho nền độc lập tự do của dân tộc và khao khát giành lại ruộng đất cho dân cày, khi có lực lượng tiên phong lãnh đạo, giai cấp nông dân sẵn sàng vùng dậy làm cách mạng lật đổ thực dân phong kiến.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa, với việc thực dân Pháp thiết lập các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, khu đồn điền... Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng vì ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, cơ cấu chủ yếu là công nhân khai thác mỏ, đồn điền, lực lượng còn nhỏ bé¹¹, nhưng sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, nhanh chóng phát triển từ “tự phát” đến “tự giác”, thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận gắn liền lợi ích với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp, trở thành tầng lớp tư sản mại bản. Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Vì vậy, phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

¹⁰ Lê Duẩn: *Giai cấp công nhân Việt Nam và liên minh công nông*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 119.

¹¹ Số lượng công nhân đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất (1913) có khoảng 10 vạn người; đến cuối năm 1929, số công nhân Việt Nam là hơn 22 vạn người, chiếm trên 1,2% dân số.

Tầng lớp tiểu tư sản (tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,...) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, thái độ hay dao động, thiếu kiên định, do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

Các sĩ phu phong kiến cũng có sự phân hóa. Một bộ phận hướng sang tư tưởng dân chủ tư sản hoặc tư tưởng vô sản. Một số người khởi xướng các phong trào yêu nước có ảnh hưởng lớn.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Chính sách cai trị và khai thác bóc lột của thực dân Pháp đã làm phân hóa những giai cấp vốn là của chế độ phong kiến (địa chủ, nông dân) đồng thời tạo nên những giai cấp, tầng lớp mới (công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản) với thái độ chính trị khác nhau. Những mâu thuẫn mới trong xã hội Việt Nam xuất hiện. Trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh đó, những luồng tư tưởng ở bên ngoài: tư tưởng Cách mạng tư sản Pháp 1789, phong trào Duy tân Nhật Bản năm 1868, cuộc vận động Duy tân tại Trung Quốc năm 1898, Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc năm 1911..., đặc biệt là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến phong trào yêu nước những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Năm 1919, trên chiến hạm của Pháp ở Hắc Hải (Biển Đen), Tôn Đức Thắng tham gia đấu tranh chống việc can thiệp vào nước Nga Xô viết. Năm 1923, luật sư Phan Văn Trường từ Pháp về nước và ông công bố tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (The Manifesto of the Communist Party) trên báo *La Cloche Fêlée*, từ số ra ngày 29-3 đến 20-4-1926, tại Sài Gòn, góp phần tuyên truyền tư tưởng vô sản ở Việt Nam.

Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng

Ngay từ khi Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp với tinh thần quật cường bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục, rộng khắp.

Đến năm 1884, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước đã cùng với nhân dân vẫn tiếp tục đấu tranh vũ trang chống Pháp.

Đó là phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885-1896). Hưởng ứng lời kêu gọi Cần Vương cứu nước, các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)... diễn ra sôi nổi và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân dân. Nhưng ngọn cờ phong

kiến lúc đó không còn là ngọn cờ tiêu biểu để tập hợp một cách rộng rãi, toàn thể các tầng lớp nhân dân, không có khả năng liên kết các trung tâm kháng Pháp trên toàn quốc nữa. Cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng thất bại (1896) cũng là mốc chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam. Đầu thế kỷ XX, Vua Thành Thái và Vua Duy Tân tiếp tục đấu tranh chống Pháp, trong đó có khởi nghĩa của Vua Duy Tân (5-1916).

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở vùng miền núi và trung du phía Bắc, *phong trào nông dân Yên Thế* (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của vị thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, nghĩa quân đã xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến”, không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cuối cùng cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam chịu ảnh hưởng, tác động của *trào lưu dân chủ tư sản*, tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh và sau đó là phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng (12-1927 - 2-1930) đã tiếp tục diễn ra rộng khắp các tỉnh Bắc Kỳ, nhưng tất cả đều không thành công.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo: Với chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản, phong trào theo xu hướng này tổ chức đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật Bản học tập (gọi là phong trào “*Đông Du*”). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam và những người đứng đầu. Sau khi phong trào Đông Du thất bại, với sự ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) Trung Quốc, năm 1912 Phan Bội Châu lập tổ chức *Việt Nam Quang phục hội* với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam. Nhưng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội lại thiếu rõ ràng. Cuối năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam tại Trung Quốc cho tới đầu năm 1917 và sau này bị quản chế tại Huế cho đến khi ông mất (1940). Ảnh hưởng xu hướng bạo động của tổ chức *Việt Nam Quang phục hội* đối với phong trào yêu nước Việt Nam đến đây chấm dứt.

Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng muốn giành độc lập cho dân tộc nhưng không đi theo con đường bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương cải cách đất nước. Phan Châu Trinh cho rằng “bất bạo động, bạo động tắc tử”; phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Để thực hiện được chủ trương ấy, Phan Châu Trinh đã đề nghị Nhà nước “bảo hộ” Pháp tiến hành cải

cách. Đó chính là sự hạn chế trong xu hướng cải cách để cứu nước, vì Phan Châu Trinh đã “đặt vào lòng độ lượng của Pháp cái hy vọng cải tử hoàn sinh cho nước Nam,... Cụ không rõ bản chất của đế quốc thực dân”¹². Do vậy, khi phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ bị thực dân Pháp dập tắt, cùng với sự kiện tháng 12-1907 thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục¹³ phản ánh sự kết thúc xu hướng cải cách trong phong trào cứu nước của Việt Nam.

Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng: Khi thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp mới trong xã hội Việt Nam đều bước lên vũ đài chính trị. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kỳ là tổ chức *Việt Nam Quốc dân đảng* do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức, Việt Nam Quốc dân đảng được chính thức thành lập tháng 12-1927 tại Bắc Kỳ.

Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên.... Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một số tỉnh, chủ yếu và mạnh nhất là ở Yên Bái (2-1930) tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng đã thể hiện là “...một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, để rồi chết luôn không bao giờ ngóc đầu lên nổi. Khẩu hiệu “không thành công thì thành nhân” biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản”¹⁴.

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Dù với nhiều cách thức tiến hành khác nhau, song đều hướng tới mục tiêu giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, “các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại”¹⁵. Nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết

¹² Trần Văn Giàu: *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám-Hệ ý thức tư sản và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội, 1975, trang 442.

¹³ Trường Đông Kinh Nghĩa thực do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí... thành lập ở Hà Nội, nhằm truyền bá tư tưởng dân chủ, tự do tư sản, nâng cao lòng tự tôn dân tộc cho thanh niên Việt Nam.

¹⁴ Lê Duẩn: *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1959, trang 41.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 14.

triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù.

Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cho đến những năm 20 của thế kỷ XX đều thất bại, nhưng đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

Trước yêu cầu cấp thiết giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, với nhiệt huyết cứu nước, với nhãn quan chính trị sắc bén, vượt lên trên hạn chế của các bậc yêu nước đương thời, năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Qua trải nghiệm thực tế qua nhiều nước, Người đã nhận thức được rằng một cách rạch ròi: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có *hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột*”, từ đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành-đây là cuộc “cách mạng đến nơi”. Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, về V.I.Lênin.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ nhất lúc đó ở Pháp. Tháng 6-1919, tại Hội nghị của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Versailles, (Vécxây, Pháp) , Tổng thống Mỹ Wooderow Wilson (Uynxon) tuyên bố bảo đảm về quyền dân tộc tự quyết cho các nước thuộc địa. Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt *Hội những người An Nam yêu nước* ở Pháp gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam (gồm tám điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam) ngày 18-6-1919. Nhó nười Việt Nam tiêu biểu cho tinh thần yêu nước ở Pháp, gồm: Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Ái Quốc. Những yêu sách đó dù không được Hội nghị đáp ứng, nhưng sự kiện này đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc, thực dân.

Tháng 7-1920, Người đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo *L'Humanité* (Nhân đạo), số ra ngày

16 và 17-7-1920. Những luận điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Lý luận của V.I.Lênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12-1920) tại thành phố Tua (Tour). Tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do V.I.Lênin thành lập).

Ngay sau đó, Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vừa bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập *Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản*-tức là Đảng Cộng sản Pháp. Với sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Trong những năm 1919-1921 Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp Albert Sarraut (An be xa rô) nhiều lần gặp Nguyễn Ái Quốc mua chuộc và đe dọa. Ngày 30-6-1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcova, tham gia nhiều hoạt động, đặc biệt là dự và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17-6 - 8-7-1924), làm việc trực tiếp ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục khảo sát, tìm hiểu để hoàn thiện nhận thức về đường lối cách mạng vô sản, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về Việt Nam.

Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng

Về tư tưởng : Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, *Tạp chí Cộng sản*, *Tập san Thư tín quốc tế*,...

Năm 1922, *Ban Nghiên cứu thuộc địa* của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương. Vừa nghiên cứu lý luận, vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, dưới nhiều phương thức phong phú, Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng. Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Đồng thời, Người tiến hành tuyên truyền tư tưởng về con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng theo *lý luận Mác-Lênin*, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân

lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”¹⁶. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Phải truyền bá tư tưởng vô sản, lý luận Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Về chính trị. Xuất phát từ thực tiễn cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, kế thừa và phát triển quan điểm của V.I.Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, **hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.**

Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở “chính quốc” mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở “chính quốc”, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở “chính quốc”.

Đối với các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: trong nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng: “công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông”¹⁷. Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng “là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người”¹⁸.

Về vấn đề Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.

Phong trào “Vô sản hóa” do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phát động từ ngày 29-9-1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, rèn luyện cán bộ và

¹⁶ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 289.

¹⁷ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 288.

¹⁸ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 283.

xây dựng phát triển tổ chức của công nhân.

Về tổ chức. Sau khi lựa chọn con đường cứu nước-con đường cách mạng vô sản-cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc thực hiện “lộ trình” “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”¹⁹. Vì vậy, sau một thời gian hoạt động ở Liên Xô để tìm hiểu, khảo sát thực tế về cách mạng vô sản, tháng 11-1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc)-nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động-để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập đảng cộng sản. Tháng 2-1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong *Tâm tâm xã*, lập ra nhóm *Cộng sản đoàn*.

Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên* tại Quảng Châu (Trung Quốc), nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội đã công bố chương trình, điều lệ của Hội, mục đích: để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Hệ thống tổ chức của Hội gồm 5 cấp: trung ương bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ hay thành bộ, huyện bộ và chi bộ. Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội. Trụ sở đặt tại Quảng Châu.

Hội đã xuất bản tờ báo *Thanh niên* (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo), tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội, truyền truyền chủ nghĩa Mác-Lênin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam. **Báo in bằng tiếng Việt và ra hằng tuần, mỗi số in khoảng 100 bản. Ngày 21-6-1925 ra số đầu tiên, đến tháng 4-1927, báo do Nguyễn Ái Quốc phụ trách và ra được 88 số. Sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu (4-1927) đi Liên Xô, những đồng chí khác trong Tổng bộ vẫn tiếp tục việc xuất bản và hoạt động cho đến tháng 2-1930 với 202 số (từ số 89 trở đi, trụ sở báo chuyển về Thượng Hải). Một số lượng lớn báo Thanh niên được bí mật đưa về nước và tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Báo Thanh niên đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.**

Sau khi thành lập, Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, phái người về nước vận động, lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Từ giữa năm 1925 đến tháng 4-1927, Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện tại nhà số 13 và 13 B đường Văn Minh, Quảng Châu (nay là nhà số 248 và 250). Sau khi được đào tạo, các hội viên được cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Trong số học viên được đào tạo ở Quảng Châu, có nhiều đồng chí được cử đi học trường Đại học Cộng sản phương Đông (Liên Xô) và trường Quân chính Hoàng Phố (Trung Quốc).

¹⁹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 1, trang 209.

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4-1927), Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova và sau đó được Quốc tế Cộng sản cử đi công tác ở nhiều nước Châu Âu. Năm 1928, Người trở về Châu Á và hoạt động ở Xiêm (tức Thái Lan).

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu, được *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông* xuất bản thành cuốn *Đường Cách mệnh*. Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, trong đó tầm quan trọng của lý luận cách mạng được đặt ở vị trí hàng đầu đối với cuộc vận động cách mạng và đối với đảng cách mạng tiên phong. *Đường Cách mệnh* xác định rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng. Tác phẩm thể hiện tư tưởng nổi bật của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dựa trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào đặc điểm của Việt Nam. Những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức để thành lập Đảng đã được thể hiện rõ trong tác phẩm.

Ở trong nước, từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đến đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập. Hội còn chú trọng xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan). Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, là tổ chức tiền thân dẫn tới ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928-1929 theo xu hướng cách mạng vô sản. Đó là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Các tổ chức cộng sản ra đời

Với sự nỗ lực cố gắng truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động tích cực của các cấp bộ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên trên cả nước đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Những cuộc đấu tranh của thợ thuyền khắp ba kỳ với nhịp độ, quy mô ngày càng lớn, nội dung chính trị ngày càng sâu sắc. Số lượng các cuộc đấu tranh của công nhân trong năm 1928-1929 tăng gấp 2,5 lần so với 2 năm 1926-1927

Đến năm 1929, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào. Trước tình hình đó, tháng 3-1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, quyết định lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Ngày 17-6-1929, đại biểu của các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Trước ảnh hưởng của *Đông Dương Cộng sản Đảng*, những thanh niên yêu nước ở Nam Kỳ theo xu hướng cộng sản, lần lượt tổ chức những chi bộ cộng sản. Tháng 11-1929, trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, *An Nam Cộng sản Đảng* được thành lập tại Khánh Hội, Sài Gòn, công bố Điều lệ, quyết định xuất bản *Tạp chí Bônsovích*.

Tại Trung Kỳ, Tân Việt Cách mạng đảng (là một tổ chức thanh niên yêu nước có cả Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai...) chịu tác động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên-đã đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Tháng 9-1929, những người tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng đảng họp bàn việc thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* và ra Tuyên đạt, khẳng định: "...những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng trình trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mệnh Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*... Muốn làm tròn nhiệm vụ thì trước mắt của Đông Dương Cộng sản liên đoàn là một mặt phải xây dựng cơ sở chi bộ của Liên đoàn tức là thực hành cải tổ Tân Việt Cách mạng Đảng thành đoàn thể cách mạng chân chính..."²⁰. Đến cuối tháng 12-1929, tại Đại hội các đại biểu liên tỉnh tại nhà đồng chí Nguyễn Xuân Thanh-Ủy viên Ban Chấp hành liên tỉnh (ga Chợ Thượng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), nhất trí quyết định "Bỏ tên gọi Tân Việt. Đặt tên mới là Đông Dương Cộng sản liên đoàn". Khi đang Đại hội, sợ bị lộ, các đại biểu di chuyển đến địa điểm mới thì bị địch bắt vào sáng ngày 1-1-1930. "Có thể coi những ngày cuối tháng 12-1929 là thời điểm hoàn tất quá trình thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn được khởi đầu từ sự kiện công bố Tuyên đạt tháng 9-1929"²¹.

Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra trong vòng nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 1, trang 404.

²¹ *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 1, trang 319.

mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước.

Sự chuyển biến mạnh mẽ các phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ngày càng lên cao, nhu cầu thành lập một chính đảng cách mạng có đủ khả năng tập hợp lực lượng toàn dân tộc và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày càng trở nên bức thiết đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23-12-1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tại Cửu Long (Hồng Kông) tiến hành hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

Thời gian Hội nghị từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930. (Sau này Đảng quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng)²². Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, ngày 18-2-1930, Nguyễn Ái Quốc viết: “Chúng tôi họp vào ngày mùng 6-1. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng. Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản... Các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2”²³

Thành phần dự Hội nghị: gồm 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-đại biểu của Quốc tế Cộng sản.

Chương trình nghị sự của Hội nghị:

1. Đại biểu của Quốc tế Cộng sản nói lý do cuộc hội nghị;
2. Thảo luận ý kiến của đại biểu Quốc tế Cộng sản về: a) Việc hợp nhất tất cả các nhóm cộng sản thành một tổ chức chung, tổ chức này sẽ là một Đảng Cộng sản chân chính; b) Kế hoạch thành lập tổ chức đó.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu ra năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất:

“1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng

²² Sau này, đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) quyết nghị: “... từ nay sẽ lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng”.

²³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 19-20.

sản Đông Dương;

2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;
3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược;
4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;
5. Cử một Ban Trung ương lâm thời...”²⁴.

Hội nghị thảo luận, tán thành ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: *Chính cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Hội nghị xác định rõ tôn chỉ mục đích của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”. Quy định điều kiện vào Đảng: là những người “tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phần đấu trong một bộ phận đảng”²⁵.

Hội nghị chủ trương các đại biểu về nước phải tổ chức một Trung ương lâm thời để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Hệ thống tổ chức Đảng từ chi bộ, huyện bộ, thị bộ hay khu bộ, tỉnh bộ, thành bộ hay đặc biệt bộ và Trung ương.

Ngoài ra, Hội nghị còn quyết định chủ trương xây dựng các tổ chức công hội, nông hội, cứu tế, tổ chức phản đế và xuất bản một tạp chí lý luận và báo tờ tuyên truyền của Đảng.

Đến ngày 24-2-1930, việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất được hoàn thành với Quyết nghị của Lâm thời chấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có giá trị như một Đại hội Đảng. Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc ra *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng. Mở đầu *Lời kêu gọi*, Người viết: “Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ”.

Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Trong các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, có hai văn kiện, đó là: *Chính cương vắn tắt của Đảng* và *Sách lược*

²⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 2.

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 7-8.

*vấn tắt của Đảng*²⁶ đã phản ánh về đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, hai văn kiện trên là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam²⁷.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: Từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam-một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, đi đến xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Như vậy, mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản.

Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”, “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

Về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ: “a) Dân chúng được tự do tổ chức. b) Nam nữ bình quyền, v.v... c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá”. Về phương diện kinh tế, Cương lĩnh xác định: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ... Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện xã hội và phương diện kinh tế nêu trên vừa phản ánh đúng tình hình kinh tế, xã hội, cần được giải quyết ở Việt Nam, vừa thể hiện tính cách mạng, toàn diện, triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng cho hai giai cấp công nhân và nông dân.

Xác định lực lượng cách mạng: phải đoàn kết công nhân, nông dân-đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình”, “phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày,... hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi vào

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 2-5.

²⁷ Theo Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị số 31-TB/TW, ngày 1-6-2011, về một số vấn đề trong bản thảo *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập I (1930-1954)*.

phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”. Đây là cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức yêu nước, cách mạng, trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.

Xác định phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thoả hiệp “không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp”. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết: “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”.

Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới: “trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới”. Như vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế và mang bản chất quốc tế của giai cấp công nhân.

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”²⁸. “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng”²⁹.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

Như vậy, trước yêu cầu của lịch sử cách mạng Việt Nam cần phải thống nhất các tổ

²⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 4.

²⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 6.

chức cộng sản trong nước, chấm dứt sự chia rẽ bất lợi cho cách mạng, với uy tín chính trị và phương thức hợp nhất phù hợp, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời triệu tập và chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản. Những văn kiện được thông qua trong Hội nghị hợp nhất dù “vắt tắt”, nhưng đã phản ánh những vấn đề cơ bản trước mắt và lâu dài cho cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam sang một trang sử mới.

4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đó là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước, sự chuẩn bị tích cực, sáng tạo, bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng*, “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”³⁰.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh được quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam-con đường cách mạng vô sản. Con đường duy nhất đúng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản phù hợp với nội dung và xu thế của thời đại mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại: “Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thật sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm

³⁰ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, trang 406.

1930 với sự ra đời của Đảng ta”³¹.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền 1930-1945

1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935.

Phong trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930)

Trong thời gian 1929-1933, khi Liên Xô đang đạt được những thành quả quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên qui mô lớn với những hậu quả nặng nề, làm cho những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ảnh hưởng lớn đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930). Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam đã “lãnh đạo ngay một cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp”³².

Từ tháng 1 đến tháng 4-1930, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy... Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và nhiều địa phương.

Từ tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào. Ngày 1-5-1930, nhân dân Việt Nam kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động với những hình thức đấu tranh phong phú. Riêng trong tháng 5-1930 đã nổ ra 16 cuộc bãi công của công nhân, 34 cuộc biểu tình của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân thành thị. Từ tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy-Vinh (8-1930), đánh dấu “một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến”³³.

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 13-14.

³² *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 20.

³³ *Báo Người lao khổ*, cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Trung Kỳ, số 13, ngày 18-9-1930.

Ở vùng nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Tháng 9-1930, phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh ngày càng quyết liệt. Cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên, ngày 12-9-1930, bị máy bay Pháp ném bom giết chết 171 người. Như lửa đổ thêm dầu, phong trào cách mạng bùng lên dữ dội.

Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức đảng lãnh đạo ban chấp hành nông hội ở thôn, xã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn, thực hiện chuyên chính với kẻ thù, dân chủ với quần chúng nhân dân, làm chức năng, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thức các uỷ ban tự quản theo kiểu Xô viết.

Tháng 9-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi thông tri cho Xứ uỷ Trung Kỳ vạch rõ chủ trương bạo động riêng lẻ trong vài địa phương lúc đó là quá sớm vì chưa đủ điều kiện. Trách nhiệm của Đảng là phải tổ chức quần chúng chống khủng bố, giữ vững lực lượng cách mạng, “duy trì kiên cố ảnh hưởng của Đảng, của Xô viết trong quần chúng, để đến khi thất bại thì ý nghĩa Xô viết ăn sâu vào trong óc quần chúng và lực lượng của Đảng và Nông hội vẫn duy trì”³⁴.

Khi chính quyền Xô viết ra đời và là đỉnh cao của phong trào cách mạng. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung mọi lực lượng đàn áp khốc liệt, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cưỡng bức dân cày ra đầu thú, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận... **Đầu năm 1931**, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. **Tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt, không còn lại một uỷ viên nào**³⁵. “Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết”³⁶.

Mặc dù bị tổn thất nặng nề, nhưng phong trào cách mạng 1930-1931 có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, đã “khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình...”³⁷.

Phong trào cách mạng đã rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước. Đặc biệt, “Xô viết Nghệ An bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh

³⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 83.

³⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 332.

³⁶ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 20.

³⁷ Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, trang 38-39.

dững của nó luôn luôn nòng nân trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau”³⁸.

Cao trào cũng để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu “về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang v.v...”³⁹.

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10-1930

Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng tức Hồng Kông (Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. **Đồng chí Trần Phú** được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

*Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương có các nội dung chính*⁴⁰:

Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”, “*có tính chất thổ địa và phản đế*”. Sau đó sẽ tiếp tục “*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*”.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải *tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để*” và “*đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*”. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: “... *có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa*”. Luận cương nhấn mạnh: “*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Giai cấp vô sản và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh.

³⁸ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 20.

³⁹ Trường Chinh: Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi theo con đường Các Mác đã vạch ra, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1968, trang 52.

⁴⁰ Những đoạn trích Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án để thảo luận trong Đảng) đều dẫn theo Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 88-103.

Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”.

Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”. Đến lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng. Về **cơ bản thống nhất với nội dung của Chính cương, sách lược vắn tắt của Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930**. Tuy nhiên, Luận cương đã không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất; không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai. Nguyên nhân của những hạn chế đó là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản trong thời gian đó. **Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.**

Sau hội nghị Trung ương tháng 10-1930 Đảng đã có chủ trương mới. Ngày 18-11-1930 Thường vụ Trung ương Đảng ban hành **Chỉ thị Về vấn đề thành lập “Hội phản đế Đồng minh”**, là tổ chức mặt trận đầu tiên để tập hợp đoàn kết các giai cấp tầng lớp dân tộc, khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (3-1935)

Do bị tổn thất nặng nề, cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ. Tháng 1-1931, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra *Thông cáo về việc đế quốc Pháp buộc dân cày ra đầu thú*, vạch rõ thủ đoạn của kẻ thù và đề ra các biện pháp

hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Hội nghị Trung ương (3-1931) quyết định nhiều vấn đề thúc đẩy đấu tranh. Năm 1931, các đồng chí Trung ương bị địch bắt. Trần Phú bị địch bắt ngày 18-4-1931 tại Sài Gòn.

Trong khi thực dân Pháp khủng bố ngày càng dữ dội, tư tưởng hoang mang dao động xuất hiện trong quần chúng và cả một số đảng viên, nhưng chỉ là số ít, “đa số đồng chí hết sức trung thành, hiến dâng cho Đảng đến giọt máu cuối cùng”⁴¹. Xứ ủy Trung Kỳ không nhận rõ điều đó, nên đã đề ra chủ trương “thanh trừ trí, phú, địa, hào, đào tận gốc tróc tận rễ”. Tháng 5-1931, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị nghiêm khắc phê phán chủ trương sai lầm về thanh Đảng của xứ ủy Trung Kỳ và vạch ra phương hướng xây dựng Đảng, “làm cho Đảng bền-sê-vích hóa để cách mạng hóa quần chúng, qua đó mà duy trì cơ sở, phát triển phong trào cách mạng, đồng thời qua thử thách đấu tranh mà vận động phát triển Đảng”⁴².

Ngày 11-4-1931, Quốc tế Cộng sản ra Nghị quyết công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ độc lập. Đó là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trong nhà tù đế quốc, các đảng viên của Đảng nêu cao khí tiết người cộng sản. Tổng Bí thư Trần Phú hy sinh ngày 6-9-1931 tại Nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn). Trước lúc hy sinh còn căn dặn các đồng chí của mình “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!”. Nằm trong xà lim án chém, Nguyễn Đức Cảnh vẫn viết tổng kết công tác vận động công nhân. Người thanh niên cộng sản Lý Tự Trọng trước lúc hy sinh khẳng khái nói: “con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng”. Những đảng viên cộng sản trong các nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), Vinh, Hải Phòng, Côn Đảo... bí mật thành lập nhiều chi bộ để lãnh đạo đấu tranh chống khủng bố, chống chế độ nhà tù hà khắc, đòi cải thiện sinh hoạt... Cuộc đấu tranh phản đối án tử hình Lý Tự Trọng nổ ra ở Khám Lớn (11-1931) gây náo động cả thành phố Sài Gòn. Anh chị em tù ở Hỏa Lò tuyệt thực phản đối vụ án tử hình Nguyễn Đức Cảnh. Cuộc đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc ở Kon Tum diễn ra đẫm máu...

Nhiều chi bộ nhà tù tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên về lý luận Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng, kinh nghiệm vận động cách mạng; tổ chức học văn hóa, ngoại ngữ v.v. Nhiều tài liệu huấn luyện đảng viên được biên soạn ngay trong tù như: *Chủ nghĩa duy vật lịch sử*, *Gia đình và Tổ quốc*, *Lịch sử tóm tắt ba tổ chức quốc tế* (chủ yếu là Quốc tế Cộng sản), *Những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương*. Một số tác phẩm của chủ nghĩa Mác-Lênin như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Tư bản*, *Làm gì?*, *Bệnh đau trĩ “tả” khuynh trong phong trào cộng sản*, *Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ*... được dịch tóm tắt ra tiếng Việt.

⁴¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tập 3, trang 157.

⁴² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tập 3, trang 157.

Các chi bộ đảng trong nhà tù còn ra báo bí mật để phục vụ việc học tập và đấu tranh tư tưởng. Ở nhà tù Hỏa Lò có các tờ báo *Đuốc đưa đường* và *Con đường chính*. Ở Côn Đảo có báo *Người tù đỏ* và tạp chí *Ý kiến chung*...

Ngày 6-6-1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt giam. Đầu năm 1934, sau khi ra tù, trở lại làm việc ở Quốc tế Cộng sản (Mátxcova-Liên Xô).

Đầu năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí công bố *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* và các chương trình hành động của Công hội, Nông hội, Thanh niên cộng sản đoàn...

Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (15-6-1932) vạch ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt để khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng, đặc biệt cần phải “gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng đạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu”⁴³.

Khi Đảng và phong trào cách mạng còn gặp nhiều khó khăn, tháng 3-1933, đồng chí Hà Huy Tập (Hồng Thê Công) đã xuất bản *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương*, bước đầu tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng, khẳng định công lao và sáng kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng.

Từ ngày 2 đến ngày 9-5-1933, Tòa án Đại hình Sài Gòn mở phiên tòa xét xử 120 chiến sĩ cộng sản, trong đó có các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Chí Diểu, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Bùi Lâm và đày ra Côn Đảo.

Đầu năm 1934, theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập lãnh đạo, chỉ đạo phong trào trong nước như chức năng, trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương.

Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng được phục hồi. Đó là cơ sở để tiến tới Đại hội lần thứ nhất của Đảng.

Tháng 3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra ba nhiệm vụ trước mắt: 1- củng cố và phát triển Đảng, 2- Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng, 3- Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô và ủng hộ cách mạng Trung Quốc... Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng và các nghị quyết về vận động quần chúng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế

⁴³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tập 4, trang 14.

Cộng sản. Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935) vẫn chưa đề ra một chủ trương chiến lược phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và tập hợp lực lượng toàn dân tộc. Đại hội Đảng vẫn cho rằng, “người ta không làm cách mạng phản đế, sau đó mới làm cách mạng điền địa. Cách mạng sẽ chỉ thắng lợi với điều kiện hai cuộc cách mạng ấy gắn bó chặt chẽ với nhau và cùng đi với nhau”⁴⁴. “Chính sách của Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ”⁴⁵.

Đại hội lần thứ nhất đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

2. Phong trào dân chủ 1936-1939

Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng

Để giải quyết những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, giai cấp tư sản ở một số nước như Đức, Italia, Tây Ban Nha... chủ trương dùng bạo lực đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và tạm thời thắng thế ở một số nơi. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Mátxcova (Liên Xô) (7-1935), xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận nhân dân rộng rãi. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản có Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nọn. Tổng Bí thư Lê Hồng Phong được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Trong thời gian này, các đảng cộng sản ra sức phấn đấu lập mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp thành lập từ tháng 5-1935 do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, dẫn đến sự ra đời của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Chính phủ này ban bố nhiều quyền tự do dân chủ, trong đó có những quyền được áp dụng ở thuộc địa, tạo không khí chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân các nước trong hệ thống thuộc địa Pháp. Nhiều tù chính trị cộng

⁴⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 5, trang 419.

⁴⁵ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 21.

sản được trả tự do. Các đồng chí đã tham gia ngay vào công việc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng góp phần rất quan trọng thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển.

Ở Việt Nam, mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ nhằm thoát khỏi tình trạng ngột ngạt do khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng do thực dân Pháp gây ra. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi hệ thống tổ chức sau một thời gian đấu tranh cực kỳ gian khổ và tranh thủ cơ hội thuận lợi để xây dựng, phát triển tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng rộng rãi.

Ngày 26-7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), do Lê Hồng Phong chủ trì, có Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên dự, nhằm “sửa chữa những sai lầm” trước đó và “định lại chính sách mới” dựa theo những nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản⁴⁶. Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; “lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ”⁴⁷. Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp. Đồng chí Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng từ tháng 8-1936 đến tháng 3-1938.

Các Hội nghị lần thứ ba (3-1937) và lần thứ tư (9-1937) Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3-1938 nhấn mạnh “lập Mặt trận dân chủ thống nhất là một nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại”⁴⁸.

Cùng với việc đề ra chủ trương cụ thể, trước mắt để lãnh đạo phong trào dân chủ 1936-1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và điền địa. Chỉ thị của Ban Trung ương *Gửi các tổ chức của Đảng* (26-7-1936) chỉ rõ, “ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào dân tộc”⁴⁹.

⁴⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 21.

⁴⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 144.

⁴⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 350 và 360.

⁴⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 74.

Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* (tháng 10-1936), Đảng nêu quan điểm: “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng”. “Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng”⁵⁰. Với văn kiện này, Trung ương Đảng đã nêu cao tinh thần đấu tranh, thẳng thắn phê phán quan điểm chưa đúng và bước đầu khắc phục hạn chế trong *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* tháng 10-1930. Đó cũng là nhận thức mới, phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng tại Hội nghị thành lập Đảng (2-1930) và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú.

Năm cơ hội Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp quyết định trả tự do một số tù chính trị, thi hành một số cải cách xã hội cho lao động ở các thuộc địa Pháp và cử một ủy ban điều tra thuộc địa đến Đông Dương, Đảng phát động một phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, mở đầu bằng cuộc vận động lập “Ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội” nhằm thu thập nguyện vọng quần chúng, tiến tới triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, quần chúng sôi nổi tổ chức các cuộc mít tinh, hội họp để tập hợp “dân nguyện”. Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, từ thành thị đến nông thôn đã lập ra các “Ủy ban hành động” để tập hợp quần chúng. Riêng ở Nam Kỳ có 600 ủy ban hành động.

Đầu năm 1937, nhân dịp phái viên của chính phủ Pháp là Gôđa (Godard) đi kinh lý Đông Dương và Bréviê (Brévié) sang nhận chức toàn quyền Đông Dương, Đảng vận động hai cuộc biểu dương lực lượng quần chúng dưới danh nghĩa “đón rước”, mít tinh, biểu tình, đưa đơn “dân nguyện”.

Ngày 5-5-1937, Tổng Bí thư Hà Huy Tập với bút danh Thanh Hương xuất bản cuốn *Tờrốttxky và phản cách mạng* phê phán những luận điệu “tả” khuynh của các phần tử Tờrốtkit ở Việt Nam như Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường,... góp phần xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức.

⁵⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 152.

Các báo chí tiếng Việt và tiếng Pháp của Đảng, Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra đời. Nhiều sách chính trị phổ thông được xuất bản để giới thiệu chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách mới của Đảng. Cuốn *Vấn đề dân cày* (1938) của Qua Ninh (Trường Chinh) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp) tố cáo tội ác của đế quốc và phong kiến đối với nông dân và làm rõ vai trò quan trọng của nông dân trong cách mạng. Cuốn *Chủ nghĩa Các Mác* của Hải Triều được in và phát hành năm 1938. Ngoài ra còn một số cuốn sách giới thiệu về Liên Xô, cách mạng Trung Quốc, Mặt trận nhân dân Pháp và Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha.

Theo sáng kiến của Đảng, *Hội truyền bá quốc ngữ* ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.

Hội nghị Trung ương Đảng (29 - 30-3-1938) quyết định lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp rộng rãi lực lượng, phát triển phong trào. Hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng.

Các hình thức tổ chức quần chúng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu. Trong những năm 1937-1938, Mặt trận Dân chủ còn tổ chức các cuộc vận động tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ xuất bản cuốn sách *Tự chỉ trích* thẳng thắn chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm, nêu rõ những bài học cần thiết trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đó là tác phẩm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, tự phê bình và phê bình để nâng cao năng lực lãnh đạo và bản chất cách mạng của Đảng.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939), thực dân Pháp đàn áp cách mạng. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc. Đó thực sự là một phong trào cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi, nhằm thực hiện mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Đảng nhận thức đầy đủ rằng, “những yêu sách đó tự nó không phải là mục đích cuối cùng”, “bằng cải cách không thể nào thay đổi một cách căn bản trật tự xã hội cũ”⁵¹. Song muốn đi đến mục đích cuối cùng, cách mạng phải vượt qua nhiều chặng đường quanh co, từ thấp đến cao, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Qua cuộc vận động dân chủ, Đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển. Đến tháng 4-1938, Đảng có 1.597 đảng viên hoạt

⁵¹ Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, trang 38.

động bí mật và hơn 200 đảng viên hoạt động công khai. Số hội viên trong các tổ chức quần chúng công nhân, nông dân, phụ nữ, học sinh, cứu tế là 35.009 người⁵².

Đảng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm mới. Đó là kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược: giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt; về xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất; về kết hợp các hình thức tổ chức bí mật và công khai để tập hợp quần chúng và các hình thức, phương pháp đấu tranh: tổ chức Đông Dương đại hội, đấu tranh nghị trường, trên mặt trận báo chí, đòi dân sinh, dân chủ, bãi công lớn của công nhân vùng mỏ (12-11-1936), kỷ niệm Ngày Quốc tế lao động 1-5. Thực tiễn phong trào chỉ ra rằng: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng”⁵³.

Tháng 10-1938, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcova (Liên Xô) trở lại Trung Quốc trên lộ trình trở về Tổ quốc. Năm 1939, từ Trung Quốc, Người đã gửi nhiều thư cho Trung ương Đảng ở trong nước, truyền đạt quan điểm của Quốc tế Cộng sản và góp nhiều ý kiến quan trọng về sự lãnh đạo của Đảng.

Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đã làm cho trận địa và lực lượng cách mạng được mở rộng ở cả nông thôn và thành thị, thực sự là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Đaladiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận Nhân dân Pháp tan vỡ. Ở Đông Dương, bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người...

Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ của Thủ tướng Pétanh (Pétain) ký văn bản đầu hàng Đức. Tướng Đờ Gôn (Charles De Gaulle) ra nước ngoài để xây dựng lực lượng kháng chiến chống Đức. Sau khi chiếm một loạt nước châu Âu, tháng 6-1941 Đức tiến công Liên Xô.

⁵² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 374.

⁵³ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 7, trang 21.

Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc. Tháng 9-1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và cầu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”.

Từ giữa năm 1941, tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân phiệt Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền.

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị. Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng gửi toàn Đảng một thông báo quan trọng chỉ rõ: “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”⁵⁴.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) phân tích tình hình và chỉ rõ: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”. Hội nghị nhấn mạnh “chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới”. “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”⁵⁵. Khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” phải tạm gác và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11-1939 đã đáp ứng yêu đúng cầu khách quan của lịch sử, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

Ngày 17-1-1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt. Nhiều đồng chí Trung ương cũng sa vào tay giặc.

Tuy nhiên, hơn một tháng sau khi Nhật vào Đông Dương, Hội nghị cán bộ Trung ương họp tháng 11-1940 lập lại Ban Chấp hành Trung ương và cho rằng: “Cách mạng

⁵⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 756, 536.

⁵⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 6, trang 536, 538.

phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau”. “Mặc dù lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế-cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết thực hơn song nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công. Tình thế hiện tại không thay đổi gì tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương”⁵⁶. Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra tại Hội nghị tháng 11-1939.

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và làm việc ở Cao Bằng. Tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng. “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập *Mặt trận Việt Minh*, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất”⁵⁷. Trung ương bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị Trung ương nêu rõ những nội dung quan trọng:

Thứ nhất, hết sức nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp-Nhật, bởi vì dưới hai tầng áp bức Nhật-Pháp, “quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”⁵⁸.

Thứ hai, khẳng định dứt khoát chủ trương “phải thay đổi chiến lược” và giải thích: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”. Trung ương Đảng khẳng định: “Chưa chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc”⁵⁹. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức. Hội nghị chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”.

⁵⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 68 và 74.

⁵⁷ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 23.

⁵⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 112.

⁵⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 118, 119.

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Sau khi đánh đuổi Pháp-Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ “tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý”. “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”⁶⁰. Từ quan điểm đó, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”. Trong việc xây dựng các đoàn thể cứu quốc, “điều cốt yếu không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”⁶¹.

Thứ năm, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”⁶². Hội nghị chỉ rõ, “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”⁶³.

Thứ sáu, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân; “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”. Trong những hoàn cảnh nhất định thì “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”⁶⁴. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

⁶⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 113.

⁶¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 112, 125.

⁶² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 114.

⁶³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 127.

⁶⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 132.

Phong trào chống Pháp-Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang:

Ngày 27-9-1940, nhân khi quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật tiến đánh phải rút chạy qua đường Bắc Sơn-Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. *Khởi nghĩa Bắc Sơn* là bước phát triển của đấu tranh vũ trang vì mục tiêu giành độc lập.

Ở Nam Kỳ, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ở nhiều nơi. Theo chủ trương của Xứ ủy Nam Kỳ, một kế hoạch khởi nghĩa vũ trang được gấp rút chuẩn bị. Tháng 11-1940, Hội nghị cán bộ Trung ương họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) quyết định duy trì và củng cố lực lượng vũ trang ở Bắc Sơn và đình chỉ chủ trương phát động khởi nghĩa ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm ngày 23-11-1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bót và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở một số địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ, mở các phiên tòa để xét xử phản cách mạng... Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp khốc liệt, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, phong trào cách mạng Nam Kỳ gặp khó khăn trong nhiều năm sau.

Khởi lửa của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ chưa tan, ngày 13-1-1941, một cuộc binh biến nổ ra ở đồn Chợ Rạng (huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.

Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là “những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”⁶⁵.

Sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941), Nguyễn Ái Quốc gửi thư (6-6-1941) kêu gọi đồng bào cả nước: “Trong lúc *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng”⁶⁶.

Pháp-Nhật ngày càng tăng cường đàn áp cách mạng Việt Nam. Ngày 26-8-1941, thực dân Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hóc Môn, Gia Định. Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo (6-9-1942). Tháng 8-1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh trên đường đi công tác ở Trung Quốc cũng bị quân Trung Hoa dân quốc bắt giữ hơn một năm (từ tháng

⁶⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 109.

⁶⁶ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3, trang 230.

8-1942 đến tháng 9-1943). Trước quân thù tàn bạo các chiến sĩ cộng sản đã nêu cao ý chí kiên cường bất khuất và giữ vững niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cách mạng.

Ngày 25-10-1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ: “Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời”. Chương trình Việt Minh đáp ứng nguyện vọng cứu nước của mọi giới đồng bào, nên phong trào Việt Minh phát triển rất mạnh, mặc dù bị kẻ thù khủng bố gắt gao.

Đảng tích cực chăm lo xây dựng đảng và củng cố tổ chức, mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày, đào tạo cán bộ về chính trị, quân sự, binh vận. Nhiều cán bộ, đảng viên trong các nhà tù Sơn La, Chợ Chu, Buôn Ma Thuột... vượt ngục về địa phương tham gia lãnh đạo phong trào.

Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) nay thuộc Hà Nội, đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa trong tương lai có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù.

Đảng và Việt Minh cho xuất bản nhiều tờ báo: *Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập, Bãi Sậy, Đuối giặc nước, Tiền phong, Kèn gọi lính, Quân giải phóng, Kháng địch, Độc lập*, v.v... Trong các nhà tù đế quốc, những chiến sĩ cách mạng cũng sử dụng báo chí làm vũ khí đấu tranh, ra các tờ báo *Suối reo* (Sơn La), *Bình Minh* (Hòa Bình), *Thông reo* (Chợ Chu), *Dòng sông Công* (Bá Vân)...

Năm 1943, Đảng công bố bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam*, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng. Cuối năm 1944, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời, thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào mặt trận đấu tranh giành độc lập, tự do.

Đảng vận động và giúp đỡ một số sinh viên, trí thức yêu nước thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam (6-1944). Đảng này tham gia Mặt trận Việt Minh và tích cực hoạt động, góp phần mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt và người Pháp. Từ Trung ương đến các địa phương đều có ban binh vận.

Việt Minh là mặt trận đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị rộng lớn, một lực lượng cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong tổng khởi nghĩa giành chính quyền sau này.

Cùng với việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng chính trị, Đảng chú trọng chuẩn bị lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đội du kích Bắc Sơn được duy trì và phát triển thành Cứu quốc quân. Sau 8 tháng hoạt động gian khổ, một bộ phận Cứu quốc quân vượt khỏi vòng vây của quân Pháp, rút lên biên giới phía Bắc, nhưng giữa đường đi bị phục kích và tổn thất nặng. Bộ phận Cứu quốc quân còn lại đã phân tán lực lượng hoạt động tại chỗ, phát triển cơ sở chính trị.

Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập một đội vũ trang ở Cao Bằng để thúc đẩy phát triển cơ sở chính trị và chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang. Tháng 12-1941, Trung ương ra thông cáo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng*, chỉ rõ các đảng bộ địa phương cần phải vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu, chống cướp đoạt tài sản của nhân dân, đòi tăng lương, bớt giờ làm cho công nhân, củng cố và mở rộng các đội tự vệ cứu quốc, thành lập các tiểu tổ du kích để tiến lên thành lập đội du kích chính thức, mở rộng cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang ở các khu du kích... tiến lên phát động khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ.

Ở Bắc Sơn-Võ Nhai, Cứu quốc quân tiến hành tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên... Từ Cao Bằng, khu căn cứ được mở rộng sang các tỉnh Hà Giang, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Các đoàn xung phong Nam tiến đẩy mạnh hoạt động, mở một hành lang chính trị nối liền hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn-Vũ Nhai (cuối năm 1943). Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị *Sửa soạn khởi nghĩa*. Không khí chuẩn bị cho khởi nghĩa sôi nổi trong khu căn cứ.

Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Bức thư nêu rõ: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”⁶⁷.

Cuối năm 1944, ở Cao-Bắc-Lạng, cấp ủy địa phương gấp rút chuẩn bị phát động chiến tranh du kích trong phạm vi ba tỉnh. Lúc đó, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở lại Cao Bằng, kịp thời quyết định đình chỉ phát động chiến tranh du kích trên quy mô rộng lớn vì chưa đủ điều kiện. Tiếp đó, Hồ Chí Minh ra *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang. Bản Chỉ thị này có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng.

Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở Cao Bằng. Ba ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (25-

⁶⁷ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3, trang 538.

12-1944) và Nhà Ngăn (26-12-1944). Đội đầy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao-Bắc-Lạng.

Ngày 24-12-1944, Đoàn của Tổng bộ Việt Minh do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu sang Trung Quốc liên lạc với các nước Đồng Minh để phối hợp chống Nhật. Tháng 2-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh sang Trung Quốc tranh thủ giúp đỡ của Đồng minh chống phát xít Nhật.

Cao trào kháng nhật cứu nước:

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến về phía Berlin (Đức). Ở Tây Âu, Anh-Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp (2-1945) rồi tiến về phía Tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng, chính phủ Đờ Gôn về Paris.

Ở mặt trận Thái Bình Dương, quân Anh đánh vào Miến Điện nay là Myanmar. Quân Mỹ đổ bộ lên Philippin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam Á bị quân Đồng minh khống chế, nên Nhật phải giữ con đường duy nhất từ Mãn Châu qua Đông Dương xuống Đông Nam Á. Thực dân Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị, chờ quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của Pháp. “Cả hai quân thù Nhật-Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mà chết, quyết liệt cùng nhau”⁶⁸.

Với sự chuẩn bị từ trước, ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị. Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim được Nhật dựng ra với cái bánh vẽ “độc lập” để phục vụ cho nền thống trị của chủ nghĩa phát xít. Do có lợi ích gắn liền với quân phiệt Nhật, Nội các Trần Trọng Kim ra *Tuyên cáo*, kêu gọi “quốc dân phải gắng sức làm việc, chịu nhiều hy sinh hơn nữa và phải thành thực hợp tác với nước Đại Nhật Bản trong sự kiến thiết nền Đại Đông Á, vì cuộc thịnh vượng chung của Đại Đông Á có thành thì sự độc lập của nước ta mới không phải là giấc mộng thoáng qua”⁶⁹.

Dự đoán đúng tình hình, ngay trước lúc Nhật nổ súng lật đổ Pháp, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *Nhật, Pháp bắn nhau và*

⁶⁸ *Ngọn cờ giải phóng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1955, trang 46.

⁶⁹ *Việt Nam để quốc Công báo*, ngày 15-6-1945, trang 5.

hành động của chúng ta, chỉ rõ bản chất hành động của Nhật ngày 9-3-1945 là một cuộc đảo chính tranh giành lợi ích giữa Nhật và Pháp; xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phát xít Nhật; thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”, nêu khẩu hiệu “thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” để chống lại chính phủ thân Nhật.

Chỉ thị quyết định phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, đồng thời sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện. Bản chỉ thị ngày 12-3-1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Việt Minh, từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng thượng du và trung du Bắc kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang... Khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) thắng lợi, đội du kích Ba Tơ được thành lập và xây dựng căn cứ Ba Tơ.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức *Ủy ban giải phóng Việt Nam*.

Ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang). Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang thành *Việt Nam giải phóng quân*, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị đại hội quốc dân, thành lập “khu giải phóng”. Ngày 4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước. Nhiều chiến khu mới được xây dựng như chiến khu Vần-Hiền Lương ở vùng giáp giới hai tỉnh Phú Thọ và Yên Bái, chiến khu Đông Triều (Quảng Yên), chiến khu Hoà-Ninh-Thanh (ở phía Tây ba tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa), chiến khu Vĩnh Tuy và Đầu Rái (Quảng Ngãi)...

Trong các đô thị, nhất là những thành phố lớn, các đội danh dự Việt Minh đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân thành thị và xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc.

Ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã “thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hùng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền”¹. Tại nhiều địa phương, quần chúng tự vũ trang, xung đột với binh lính và chính quyền Nhật, biến thành những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ.

Báo chí cách mạng của Đảng và mặt trận Việt Minh đều ra công khai, gây ảnh hưởng chính trị vang dội.

Từ nhiều lao tù thực dân, những chiến sĩ cộng sản vượt ngục ra ngoài hoạt động, bổ sung thêm đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng.

Cao trào kháng Nhật cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức... mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng. Binh lính, cảnh sát của chính quyền thân Nhật dao động, một số ngả theo cách mạng. Nhiều lý trưởng, chánh, phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh... Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Thực chất của cao trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

Tổng khởi nghĩa giành chính quyền:

Giữa tháng 8-1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Sau khi phát xít Đức **đầu hàng Liên Xô và Đồng minh (9-5-1945) và sau đó Liên Xô tuyên chiến** với Nhật, đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hirôshima (6-8-1945) và Nagasaki (9-8-1945). **Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện ngày 15-8-1945**. Quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng xuất hiện.

¹ Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, trang 47.

Một nguy cơ mới đang dần đến. Theo quyết định của Hội nghị Potsdam, (Póttxđam, 7-1945), quân đội Trung Hoa dân quốc vào Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra và quân đội của Liên hiệp Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào để giải giáp quân đội Nhật. Pháp toan tính, với sự trợ giúp của Anh, sẽ trở lại xâm lược Việt Nam, trước mắt là phục hồi bộ máy cai trị cũ ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Trung Hoa dân quốc muốn có một chính quyền người Việt Nam từ Trung Quốc kéo về ở miền Bắc.

Trong khi đó, những thế lực chống cách mạng ở trong nước cũng tìm cách đối phó. Một số người trong Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim quay sang tìm kiếm sự trợ giúp của một số cường quốc, với hy vọng giữ chế độ quân chủ.

Từ chỗ hợp tác với Việt Minh chống quân phiệt Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ Mỹ không ngần ngại quay lưng lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Tại Hội nghị Ianta (2-1945), Tổng thống Mỹ Roosevelt hoàn toàn “nhất trí với đề nghị chỉ để các thuộc địa dưới quyền uỷ trị nếu “mẫu quốc” đồng ý” “Mẫu quốc” của Đông Dương không ai khác là nước Pháp. Từ đó, Mỹ ngày càng nghiêng về phía Pháp, ủng hộ Pháp trở lại xâm lược Đông Dương, nhất là sau khi Roosevelt qua đời (12-4-1945) và Harry S Truman bước vào Nhà Trắng. Mùa hè năm 1945, Mỹ cam kết với Charles De Gaulle rằng sẽ không cản trở việc Pháp phục hồi chủ quyền ở Đông Dương. Cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam sẽ bị xếp vào “hoạt động phiến loạn do cộng sản cầm đầu”. Trong tình hình ấy, “ai biết dòng chảy của lịch sử sẽ đi về đâu, với tốc độ nào?”⁷⁰.

Thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại trong thời gian từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, vào khoảng nửa cuối tháng Tám năm 1945.

Trong tình hình trên, vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh mà Đảng và nhân dân Việt Nam không thể chậm trễ, không chỉ để tranh thủ thời cơ, mà còn phải khắc phục nguy cơ, đưa cách mạng đến thành công.

Ngày 12-8-1945, Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 14 và 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, do lãnh tụ Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, tập trung phân tích tình hình và dự đoán: “Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông

⁷⁰ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb Quân đội nhân dân-Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1995, trang 18.

Dương”⁷¹. Hội nghị quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: *Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!* Hội nghị xác định ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là *tập trung, thống nhất và kịp thời*. Phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chớp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập *ủy ban nhân dân* ở những nơi đã giành được quyền làm chủ... Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền.

Tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16-8-1945, *Đại hội quốc dân* họp tại Tân Trào. Về dự đại hội có khoảng 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, các dân tộc, tôn giáo trong nước và đại biểu kiều bào ở nước ngoài. Đại hội tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập *Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”⁷².

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước nhất tề vùng dậy ở cả thành thị và nông thôn, với ý chí dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập.

Từ ngày 14 đến ngày 18-8-1945, tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, nhưng do nắm vững tinh thần các nghị quyết, chỉ thị trước đó của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn, đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động, lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Từ ngày 14-8-1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn binh Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái v.v... hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái

⁷¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 424-427.

⁷² *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3, trang 596.

Nguyên. Từ ngày 14 đến ngày 18-8, ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện.

Tại Hà Nội, ngày 17-8, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành biến cuộc mít tinh đó thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh. Các đội viên tuyên truyền xung phong bất ngờ giương cao cờ đỏ sao vàng, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa. Hàng vạn quần chúng dự mít tinh nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh. Lính bảo an, cảnh sát của chính quyền Nhật có nhiệm vụ bảo vệ cuộc mít tinh cũng ngả theo Việt Minh. Cuộc mít tinh biến thành một cuộc biểu tình tuần hành, có cờ đỏ sao vàng dẫn đầu, rầm rộ đi qua các phố đông người, tiến đến trước phủ toàn quyền cũ, nơi tư lệnh quân Nhật đóng, rồi chia thành từng toán, đi cổ động chương trình Việt Minh khắp các phố.

Sau cuộc biểu dương lực lượng, Thành ủy Hà Nội nhận định đã có đủ điều kiện để phát động tổng khởi nghĩa.

Sáng ngày 19-8, Thủ đô Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Quần chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố trong tiếng hát “Tiến quân ca” và cờ đỏ sao vàng để dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Quần chúng cách mạng chia thành nhiều đoàn đi chiếm Phủ Khâm sai, Tòa Thị chính, Trại Bảo an binh, Sở Cảnh sát và các công sở của chính quyền thân Nhật. Trước khí thế và sức mạnh áp đảo của quần chúng, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ảnh hưởng nhanh chóng đến nhiều tỉnh và thành phố khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cả nước, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở nhiều nơi thêm hoảng hốt, tạo điều kiện thuận lợi lớn cho quá trình tổng khởi nghĩa.

Ngày 23-8, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế huy động quần chúng từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân trong nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không gặp phải sức kháng cự nào.

Ở Nam Kỳ, được tin Hà Nội và Tân An (tỉnh khởi nghĩa thí điểm của Xứ ủy) đã giành được chính quyền, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh. Đêm 24-8, các lực lượng khởi nghĩa với gậy tầm vông, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Những cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các đô thị đập tan các cơ quan đầu não của kẻ thù có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong cả nước.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Sáng ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng, thống nhất những chủ trương đối nội và đối ngoại trong tình hình mới; đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần của Chính phủ lâm thời, chuẩn bị ra Tuyên ngôn Độc lập, và tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa. Hồ Chí Minh nhấn mạnh những việc cần làm trước khi quân Trung Hoa dân quốc vào Đông Dương⁷³.

Trong cuộc họp ngày 27-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Danh sách Chính phủ lâm thời được chính thức công bố ngày 28-8-1945 tại Hà Nội. Một số thành viên là người của mặt trận Việt Minh tự nguyện rút khỏi Chính phủ, trong đó có Tổng Bí thư Trường Chinh, để mời thêm nhân sĩ ngoài Việt Minh tham gia. “Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân”⁷⁴.

Ngày 30-8-1945, tại cuộc mít tinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngọ Môn, thành phố Huế, Bảo Đại thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong *Tuyên cáo của Hoàng đế Việt Nam thoái vị*, Bảo Đại nói, “sau hai mươi năm ngai vàng bệ ngọc đã biết bao ngậm đắng nuốt cay, từ nay... lấy làm vui được làm dân tự do của một nước độc lập”⁷⁵.

Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời hoàn toàn ý thức được phải khẩn trương làm tất cả mọi việc có thể để xác lập vị thế người chủ đất nước của nhân dân Việt Nam trước khi những người mang danh “Đồng minh” kịp đặt chân đến và kịp thực thi những ý tưởng riêng của họ.

Trong tình hình hết sức khẩn trương, Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định sớm tổ chức lễ Tuyên bố độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mọi công việc việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Tại một căn phòng trên gác nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội, Hồ Chí Minh đã thực hiện trách nhiệm lịch sử trọng đại, giữa bộn bề công việc, nhưng đã tập trung trí tuệ và tình cảm, soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới. Để phát huy trí

⁷³ Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, trang 229-231.

⁷⁴ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 6, trang 160.

⁷⁵ “Tuyên cáo của Hoàng đế Việt Nam thoái vị”, *Việt Nam dân quốc công báo*, ngày 29-9-1945.

tuệ tập thể, ngày 30-8-1945, Hồ Chí Minh mời một số cán bộ trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các vị bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời đến trao đổi, góp ý kiến cho bản dự thảo *Tuyên ngôn Độc lập*. Hồ Chí Minh nói, trong đời ông “đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới được viết một bản *Tuyên ngôn* như vậy... Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là hoa, là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn 20 triệu nhân dân Việt Nam”⁷⁶.

Ngày 31-8-1945, Hồ Chí Minh bổ sung một số điểm, hoàn chỉnh bản *Tuyên ngôn Độc lập*⁷⁷.

Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Bản Tuyên ngôn nêu rõ:

“Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁷⁸.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do.

Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong hoàn cảnh khách quan rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam là phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu, chính quyền thân Nhật rệu rã, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đó là kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là cao trào vận động giải phóng dân tộc 1939-1945.

⁷⁶ Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Văn nghệ, Hà Nội, 1956, trang 119.

⁷⁷ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh-Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tập 2, trang 288.

⁷⁸ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, trang 1 và 3.

Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng. Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng sáng tạo, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, bắt rễ sâu trong quần chúng, đoàn kết và thống nhất, quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Tính chất

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là “một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất dân chủ mới. Nó là một bộ phận khăng khít của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam”⁷⁹. “Cách mạng Tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục đích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước độc lập tự do”⁸⁰.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc *cách mạng giải phóng dân tộc điển hình*, thể hiện:

Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên “cứu quốc”, động viên đến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận địa cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

Thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc” theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hoà dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, “còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều phải được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”⁸¹.

Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít. “Nó chống lại phát xít Nhật và bọn tay sai phản động, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược”⁸².

⁷⁹ Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tập 1, trang 172.

⁸⁰ Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tập 1, trang 169.

⁸¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 114.

⁸² Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tập 1, trang 170.

Cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc. Do Cách mạng Tháng Tám, một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xoá bỏ.

Cuộc cách mạng đã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám “chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng”, “chưa xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. Chính vì thế Cách mạng Tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc”⁸³.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng còn mang đậm tính nhân văn, hoàn thành một bước hết sức cơ bản trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

Ý nghĩa

Khẳng định ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng *mới 15 tuổi* đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”⁸⁴.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình.

Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

⁸³ Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tập 1, trang 172.

⁸⁴ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 25.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám không chỉ là chiến công của dân tộc Việt Nam mà còn là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở “chính quốc” lên nắm chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

Kinh nghiệm

Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu.

Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng: Trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Theo cách dùng từ

của V.I.Lênin trong tác phẩm *Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết*, thì đó chính là một “lò lửa khởi nghĩa dân tộc”⁸⁵.

Thứ ba, về phương pháp cách mạng: Năm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc.

Thứ tư, về xây dựng Đảng: Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn; xây dựng một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng và với đội ngũ cán bộ đảng viên kiên cường được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng.

Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hoá của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Suốt 15 năm đấu tranh cách mạng 1930-1945, Đảng đã lãnh đạo giai cấp và dân tộc hoàn thành mục tiêu giành độc lập, thiết lập nhà nước dân chủ nhân dân.

NỘI DUNG ÔN TẬP VÀ THẢO LUẬN

1. Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1930.
2. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên được Hội nghị thành lập Đảng (2-1930) thông qua.
3. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945.
4. Đặc điểm, tính chất, kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

⁸⁵ V.I.Lênin *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1981, tập 30, trang 67.

Chương 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)

MỤC TIÊU

Về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975.

Về tư tưởng:

Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc

Về kỹ năng:

Trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám

Sau ngày tuyên bố độc lập, lịch sử nước Việt Nam bước sang một chặng đường mới với nhiều *thuận lợi* căn bản và *khó khăn* chồng chất.

Thuận lợi về quốc tế là sau cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ II, cục diện khu vực và thế giới có những sự thay đổi lớn có lợi cho cách mạng Việt Nam. Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông Trung Âu, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh dâng cao.

Thuận lợi ở trong nước là Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, bị áp bức trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới. Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Đặc biệt, việc

hình thành hệ thống chính quyền cách mạng với bộ máy thống nhất từ cấp Trung ương đến cơ sở, ra sức phục vụ lợi ích của Tổ quốc, nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành biểu tượng của nền độc lập, tự do, là trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Quân đội quốc gia và lực lượng Công an; luật pháp của chính quyền cách mạng được khẩn trương xây dựng và phát huy vai trò đối với cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, xây dựng chế độ mới.

Khó khăn là trên thế giới phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới”, ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Do lợi ích cục bộ của mình, các nước lớn, không có nước nào ủng hộ lập trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Cách mạng ba nước Đông Dương nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng phải đương đầu với nhiều bất lợi, khó khăn, thử thách hết sức to lớn và rất nghiêm trọng.

Khó khăn ở trong nước là hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang; nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ, nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm 2 triệu người dân chết đói. Thách thức lớn nhất, nghiêm trọng nhất lúc này là âm mưu, hành động quay trở lại thống trị Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp. Ngày 2-9-1945, quân Pháp đã trắng trợn gây hấn, bắn vào cuộc mít tinh mừng ngày độc lập của nhân dân ta ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

Từ tháng 9-1945, theo thỏa thuận của phe Đồng minh, 2 vạn quân đội Anh- Ấn đổ bộ vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thua trận ở phía Nam Việt Nam. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng đội quân Nhật giúp sức quân Pháp ngang nhiên nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ) vào rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Ở Bắc vĩ tuyến 16, theo thỏa thuận Hiệp ước Potsdam (Đức), từ cuối tháng 8-1945, hơn 20 vạn quân đội của Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa dân quốc) tràn qua biên giới kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân đội Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thâm độc “diệt Cộng, cầm Hồ”, phá Việt Minh. Trong khi đó, trên đất nước Việt Nam vẫn

còn 6 vạn quân đội Nhật Hoàng thua trận chưa được giải giáp.

Tình hình đó đã đặt nền độc lập và chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế “như ngàn cân treo sợi tóc”, cùng một lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và bọn thù trong, giặc ngoài.

Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

Ngày 3-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt, là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, nhận định tình hình và định hướng con đường đi lên của cách mạng Việt Nam sau khi giành được chính quyền. Chỉ thị phân tích sâu sắc sự biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, nhất là tình hình Nam Bộ và xác định rõ: “kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”⁸⁶; nêu rõ mục tiêu của cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là “dân tộc giải phóng” và đề ra khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”; mọi hành động phải tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt “là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”⁸⁷.

Chỉ thị cũng đề ra nhiều biện pháp cụ thể giải quyết những khó khăn, phức tạp hiện thời của cách mạng Việt Nam, trong đó nêu rõ cần nhanh chóng xúc tiến bầu cử Quốc hội để đi đến thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập về chính trị; về ngoại giao phải đặc biệt chú ý “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”; đối với Tàu Tưởng nêu chủ trương “Hoa-Việt thân thiện”, đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”. Về tuyên truyền, hết sức kêu gọi đoàn kết chống chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược; “đặc biệt chống mọi mưu mô phá hoại chia rẽ của bọn Trótxkit, Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng”⁸⁸ v.v.

Những quan điểm và chủ trương, biện pháp lớn được Đảng nêu ra trong bản Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc đã giải đáp trúng, đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ; có tác dụng định hướng tư tưởng, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trong giai đoạn đầy khó khăn, phức tạp này.

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên mọi tầng lớp

⁸⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, trang 26.

⁸⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, trang 26-27.

⁸⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, trang 27.

nhân dân tham gia các phong trào lớn, các cuộc vận động, như: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm với khẩu hiệu tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa; lập hũ gạo tiết kiệm, tổ chức Tuần lễ vàng, gây Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến v.v. Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ, thực hiện chính sách giảm tô 25%. Ngay năm đầu, sản xuất nông nghiệp có bước khởi sắc rõ rệt, việc sửa chữa đê điều được khuyến khích, tổ chức khuyến nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian, đất hoang hóa chia cho nông dân nghèo. Sản xuất lương thực tăng lên rõ rệt, cả về diện tích và sản lượng hoa màu. Một số nhà máy, công xưởng, hầm mỏ được khuyến khích đầu tư khôi phục hoạt động trở lại. Ngân khố quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam. Đầu năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân được ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ, góp phần động viên kháng chiến ở Nam Bộ.

Chống giặc đốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn đói; vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ. Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng năm học mới; thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng: Để khẳng định địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam, Đảng và Hồ Chí Minh đã chủ trương sớm tổ chức một cuộc bầu cử toàn quốc theo hình thức phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức. Ngày 6-1-1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử và có hơn 89% số cử tri đã đi bỏ phiếu dân chủ lần đầu tiên, đồng bào Nam Bộ và một số nơi đi bỏ phiếu dưới làn đạn của giặc Pháp, nhưng tất cả đều thể hiện rõ tinh thần “mỗi lá phiếu là một viên đạn bắn vào quân thù”, làm thất bại âm mưu chia rẽ, lật đổ của các kẻ thù. Bầu cử thành công đã bầu ra 333 đại biểu Quốc hội đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên tại Nhà hát lớn Hà Nội vào ngày 2-3-1946 và lập ra Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ và kiện toàn nhân sự bộ máy Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Quốc hội đã nhất trí bầu Ban Thường trực Quốc hội do cụ Nguyễn Văn Tố làm Chủ tịch.

Các địa phương cũng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp. Ban soạn thảo bản Hiến pháp mới được thành lập do Hồ Chí

Minh làm trưởng ban và tới kỳ họp thứ 2 (9-11-1946), Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1946). Xây dựng đi đôi với bảo vệ và làm cho bộ máy chính quyền thực sự dân chủ, trong sạch, trong thư gửi cho các Ủy ban nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”⁸⁹. Và yêu cầu chính quyền các cấp phải khắc phục và bỏ ngay những thói hư, tật xấu, như: tư túng, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo⁹⁰...

Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng nhằm tăng cường thực lực cách mạng, tập trung chống Pháp ở Nam Bộ. Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập do Huỳnh Thúc Kháng làm hội trưởng, Tôn Đức Thắng làm hội phó; thành lập Hội đồng cố vấn Chính phủ do Vĩnh Thụy (tức cựu hoàng Bảo Đại) đứng đầu; thành lập thêm một số đoàn thể xã hội mới, tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh; tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất tại Hà Nội và Hội nghị đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam ở Tây Nguyên... Lực lượng vũ trang cách mạng được củng cố và tổ chức lại; tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực, thuốc men, củng cố các cơ sở và căn cứ địa cách mạng cả ở miền Bắc, miền Nam. Cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện, hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam...

*Tổ chức cuộc **kháng chiến** chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, **đấu tranh** bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ*

Sau vụ khiêu khích trắng trợn ngày 2-9-1945 ở Sài Gòn, thực dân Pháp ráo riết thực hiện mưu đồ xâm lược Việt Nam. Đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, quân đội Pháp đã nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ). Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Nam Bộ bắt đầu. Sáng 23-9-1945, Hội nghị liên tịch giữa Xứ ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đã nhanh chóng thống nhất, đề ra chủ trương hiệu triệu quân, dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống xâm lược Pháp. Trên địa bàn thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn các đơn vị bảo vệ Trụ sở Ủy ban nhân dân, Sở tự vệ, nhà Bưu điện thành phố đã kiên quyết chiến đấu anh dũng. Ngày 25-10-1945, Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ đã họp tại Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho) quyết định những biện pháp cấp bách củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật trong nội đô; tổ chức và phát động toàn dân kháng chiến, kiên quyết đẩy lùi cuộc tấn quân của quân Pháp, ngăn chặn bước tiến của chúng...

Nhân dân các tỉnh Nam Bộ đã nêu cao tinh thần chiến đấu “thà chết tự do còn hơn

⁸⁹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, trang 64-65.

⁹⁰ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, trang 65-66.

sống nô lệ” nhất loạt đứng lên dùng các loại vũ khí thô sơ, tự tạo, gây tâm vong, giáo mác chống trả hành động xâm lược của thực dân Pháp, kiên quyết bảo vệ nền độc lập, tự do và chính quyền cách mạng. Tổ chức công tác diệt ác, trừ gian, phát động chiến tranh nhân dân trong lòng thành phố, đốt phá kho tàng, chặn đánh các đoàn xe vận tải của địch, củng cố, xây dựng căn cứ địa. Nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn đi tiên phong ngăn cản bước tiến, kìm hãm, bao vây địch trong thành phố bằng các chiến lũy chướng ngại vật, ổ chiến đấu trên đường phố chính, phá hủy các cơ sở hạ tầng điện, nước; lùng bắt, trừng trị bọn Việt gian tay sai của Pháp. Nhiều trận đánh tiêu biểu diễn ra ở cầu Thị Nghè (17-10-1945), Khánh Hội, Phú Lâm, An Nhơn, cầu Tham Luông...

Chính phủ, Hồ Chí Minh và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Ngày 26-9-1945, những chi đội đầu tiên ưu tú nhất của quân đội, được trang bị vũ khí tốt nhất đã lên đường Nam tiến chi viện cho Nam Bộ; Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khích lệ, động viên đồng bào Nam Bộ kháng chiến, tuyên dương và tặng nhân dân Nam Bộ danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”. Ở khu vực miền Trung, cuộc chiến đấu của quân và dân Nha Trang đã mở đầu cho cuộc chiến đấu oanh liệt, dũng cảm, kiên cường của quân và dân mặt trận Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những ngày đầu kháng chiến...

Trong những ngày đầu, so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, nhưng với lòng yêu nước sâu sắc, quyết tâm sắt đá bảo vệ nền độc lập, tự do, của Tổ quốc, có sự lãnh đạo kịp thời, đúng đắn của Xứ ủy Nam Bộ, của Chính phủ Trung ương, quân và dân Nam Bộ, các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đã tổ chức lại lực lượng, củng cố các khu căn cứ và lực lượng vũ trang, động viên nhân tài, vật lực của toàn dân đứng lên ngăn chặn bước tiến của thực dân Pháp; tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài sau này

Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng; đề ra nhiều đối sách khôn khéo đối phó có hiệu quả với các hoạt động khiêu khích, gây xung đột vũ trang của quân Tưởng; thực hiện giao thiệp thân thiện, ứng xử mềm dẻo, linh hoạt với các yêu sách của quân Tưởng và các tổ chức đảng phái chính trị tay sai thân Tưởng, nhất là số cầm đầu Việt Quốc, Việt Cách. Để tránh mũi nhọn tấn công của các kẻ thù, Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật bằng việc ra “Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý tự giải tán, ngày 11-11-1945”, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai với danh nghĩa “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương”⁹¹; Chính phủ Việt Nam đồng ý việc đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân đội Tưởng khi ở

⁹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, trang 19.

Việt Nam và nhân nhượng cho quân Tưởng được sử dụng đồng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương. Sau khi bầu cử thành công, Hồ Chí Minh chấp nhận mở rộng thành phần đại biểu Quốc hội, đồng ý bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt Cách, Việt Quốc; cải tổ, mở rộng thành phần Chính phủ liên hiệp với sự tham gia của nhiều nhân sĩ, trí thức, người không đảng phái và cả một số phần tử cầm đầu tổ chức phản động tay sai của quân Tưởng, trong đó có nhiều ghế Bộ trưởng quan trọng,...

Đầu năm 1946, phe đế quốc đã dàn xếp, thỏa thuận để Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc ký kết bản Hiệp ước Trùng Khánh (còn gọi là Hiệp ước Hoa-Pháp, ngày 28-2-1946), trong đó có nội dung thỏa thuận để Pháp đưa quân đội ra Bắc vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thay thế 20 vạn quân Tưởng rút về nước, hạn cuối cùng là ngày 31-3-1946. Và đổi lại Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng ở Trung Quốc và Việt Nam. Đây thực chất là một bản hiệp ước bán rẻ lợi ích dân tộc, chà đạp lên nền độc lập của Việt Nam, hợp pháp hóa hành động xâm lược của thực dân Pháp ra miền Bắc. Chính phủ và nhân dân Việt Nam đứng trước một tình thế vô cùng nguy hiểm, phải cùng lúc đối mặt trực tiếp với hai kẻ thù xâm lược to lớn là Pháp và Tưởng, trong khi thực lực cách mạng vẫn còn non kém.

Trước sự thay đổi nhanh chóng, phức tạp của tình hình, Thường vụ Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh đã nhận định, đánh giá âm mưu, ý đồ chính trị của Pháp và Tưởng và ra bản Chỉ thị *Tình hình và chủ trương*, ngày 3-3-1946. Trong đó nêu rõ: “Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình, biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”⁹² và chủ trương tạm thời “dàn hòa với Pháp”, nhân nhượng về lợi ích kinh tế, nhưng đòi Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam, “lợi dụng thời gian hòa hoãn với Pháp để diệt bọn phản động bên trong, tay sai Tầu trắng, trừ những hành động khiêu khích ly gián ta với Pháp”⁹³, thúc đẩy nhanh quân Tưởng về nước, bớt đi một kẻ thù nguy hiểm. Ngày 6-3-1946, tại Hà Nội Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại **Hà Nội là Jean Sainteny (J.Xanh Tony)** bản Hiệp định sơ bộ. Hiệp định sơ bộ nêu rõ: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; về phía Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế 20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt-Pháp...

⁹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tập 8, trang 44-45.

⁹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tập 8, trang 45-46.

Ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ, ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra ngay bản Chỉ thị *Hòa để tiến* phân tích, đánh giá chủ trương hòa hoãn và khả năng phát triển của tình hình. Chỉ thị nêu rõ: Cần phải tiếp tục nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta, nhất là đối với đồng bào Nam Bộ và các chiến sĩ ngoài mặt trận; cần đẩy mạnh công tác xây dựng đảng, đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ chính trị và quân sự, gây dựng cơ sở đảng, củng cố phong trào quần chúng... Đến tháng 12-1946, Đảng đã có sự phát triển thêm về chất lượng, số lượng đảng viên tăng lên tới hơn 20.000 người.

Để giữ vững nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, Đảng, Chính phủ tiếp tục cuộc đấu tranh ngoại giao kiên trì, kiên quyết, đầy khó khăn, phức tạp trong suốt năm 1946 ở cả mặt trận trong nước và ngoài nước. Từ ngày 19-4 đến ngày 10-5-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam và Pháp gặp nhau tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Từ ngày 31-5-1946, theo lời mời của Quốc hội và Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của Chính phủ Việt Nam thăm chính thức nước Cộng hòa Pháp, chuyến thăm kéo dài hơn 4 tháng và đã thu được nhiều thành công về mặt đối ngoại, làm cho dư luận Pháp, nhân dân Pháp và giới chính trị Pháp tiến bộ hiểu thêm cuộc đấu tranh chính nghĩa, vì nền độc lập thực sự của Việt Nam. Cũng trong thời gian này, phái đoàn Quốc hội Việt Nam do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu đi thăm thân thiện và tham dự đàm phán chính thức giữa hai bên Việt-Pháp tại Hội nghị **Fontainebleau, (Phôngtenoblô, Paris-Pháp)** từ ngày 6-7 đến ngày 10-9-1946, song không thành công vì vấp phải lập trường hiếu chiến và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp. Với thiện chí hữu nghị, hòa bình, nhân nhượng và để đảm bảo an toàn cho phái đoàn đại biểu Việt Nam rời Pháp, ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký **với Marius Moutet (M.Mutê)** đại diện Chính phủ Pháp một bản Tạm ước 14-9 tại **Marseill (Mácxây, Pháp)**, **đồng ý** nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam; hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán...

Trong khi đó ở Việt Nam, thời hạn quân đội Tưởng phải rút về nước đã hết (trước ngày 31-3-1946), nhưng quân Tưởng vẫn trì hoãn kéo dài; các thế lực thực dân hiếu chiến Pháp ở Hà Nội móc nối, câu kết với tay sai phản động Đại Việt-Quốc dân đảng, ráo riết chuẩn bị một âm mưu thâm độc đảo chính lật đổ Chính phủ Việt Nam, dự định vào **ngày 14-7-1946. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, sáng suốt của Đảng và Chính phủ do cụ Huỳnh Thúc Kháng quyền Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ lãnh đạo, rạng sáng ngày 12-7-1946, lực** lượng Công an đã khôn khéo, mưu trí, sáng tạo, quyết đoán tổ chức một cuộc đột nhập, tấn công bất ngờ vào trụ sở của bọn Đại Việt- Quốc dân đảng **ở số nhà 132 Duvigneau (Đuyvinhô** nay là phố Bùi Thị Xuân -Hà Nội), nhanh chóng khống chế bọn phản động có vũ trang, tổ chức khám xét và tịch thu được nhiều tài liệu phản động,

trong đó có bản Kế hoạch tổ chức làm đảo chính lật đổ chính phủ Hồ Chí Minh do Trương Tử Anh soạn thảo, kịp thời kết thúc Vụ án ở **số 7 phố Ôn Như Hầu, (nay Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội)**. Với thắng lợi quan trọng này ta đã đập tan hoàn toàn mưu đồ thâm độc lật đổ chính quyền cách mạng của bọn tay sai phản động câu kết với thực dân Pháp, giữ vững chính quyền cách mạng.

Ngày 20-10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam về đến cảng Hải Phòng an toàn trong không khí đón chào nồng nhiệt của nhân dân, của đồng bào, đồng chí. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài: Công việc khẩn cấp bây giờ, nêu rõ thêm những nhiệm vụ cụ thể và cấp thiết phải làm về mặt quân sự, chính trị và khẳng định vai lãnh đạo của Đảng, của đảng viên cán bộ đối với cuộc kháng chiến kiến quốc và dự đoán đúng về khả năng một cuộc đối đầu quân sự giữa Việt Nam và Pháp. Kịp thời chỉ đạo từng bước chuyển sang tình trạng chiến tranh và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; tiếp tục cuộc chiến đấu giam chân địch ở Nam Bộ và trong các thành phố, thị xã ở miền Bắc, khẩn trương tiến hành cuộc tổng di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các ban, bộ, ngành, quân đội, công an và các cơ quan lãnh đạo kháng chiến địa phương ra khỏi thành phố, thị xã; củng cố, xây dựng căn cứ địa, các chiến khu, các ATK (an toàn khu)... Hàng ngàn tấn máy móc, nguyên nhiên vật liệu đã được di chuyển, mua sắm, cất giữ trên các chiến khu, căn cứ địa kháng chiến, nhất là ở các ATK Thái Nguyên, Tuyên Quang, Chiến khu D, Đồng Tháp Mười; hàng vạn nhân dân được động viên, hướng dẫn tản cư khỏi vùng chiến sự. Ở các nơi quân Pháp có thể chiếm đóng, nhân dân thực hiện tiêu thổ kháng chiến với khẩu hiệu “vườn không nhà trống”, “phá hoại để kháng chiến” nhằm ngăn cản bước tiến của địch, hạn chế tiềm năng kinh tế địch, phá kinh tế địch...

Những chủ trương, biện pháp, sách lược và đối sách đúng đắn của Đảng, tinh thần quyết đoán, sáng tạo của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoài, thù trong những năm đầu chính quyền cách mạng non trẻ đã đem lại thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng: ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; củng cố, giữ vững và bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở và những thành quả của cuộc Cách mạng tháng Tám; tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn, tranh thủ xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Nêu cao ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, thực hành nhân nhượng có nguyên tắc “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Tăng cường đại đoàn kết dân tộc, dựa vào sự ủng hộ vật chất là chính trị, tinh thần của toàn dân. Phát triển thực lực cách mạng. Đó là những thành công và kinh nghiệm nổi bật của Đảng trong lãnh đạo cách mạng, giai đoạn 1945-1946.

2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng

Từ cuối tháng 10-1946, tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng do, nguy cơ một cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần. Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam tiếp tục kìm chế, kiên trì thực hiện chủ trương hòa hoãn và bày tỏ thiện chí hòa bình, nhân nhượng nhằm tìm kiếm con đường hòa bình bảo vệ, giữ gìn toàn vẹn nền độc lập, tự do của Việt Nam, đồng thời cố gắng cứu vãn mối quan hệ Việt-Pháp đang ngày càng xấu đi và ngăn chặn một cuộc chiến tranh nổ ra quá sớm và không cân sức với Pháp. Nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt Chính phủ Việt Nam, đã gửi điện văn, thư từ cho Chính phủ Pháp, cho Thủ tướng Pháp song đều không được hồi đáp; con đường ngoại giao với đại diện Pháp tại Hà Nội cũng đều không đưa đến kết quả tích cực vì phía Pháp chỉ muốn “dùng biện pháp quân sự để giải quyết mối quan hệ Việt-Pháp”⁹⁴. Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Việt Nam đã bộc lộ rõ thái độ bội ước, tiếp tục đẩy mạnh tăng cường bình định ở các tỉnh Nam Bộ, xúc tiến tái lập Nam Kỳ tự trị; gây hấn, khiêu khích, gây xung đột quân sự, lấn chiếm nhiều vị trí ở nơi đóng quân ở Bắc Bộ Việt Nam; đặt lại nền thống trị ở Campuchia và Lào, chia rẽ ba nước Đông Dương.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ, hậu thuẫn cho lực lượng phản động xúc tiến thành lập cái gọi là “Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ” và triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương. Trong các ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính của ta; bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún. Ngày 18-12, đại diện Pháp ở Hà Nội đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp; giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự của thành phố... Đến ngày 19-12-1946, thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp thẳng thừng cự tuyệt. Vì vậy, Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng; bảo vệ những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám vừa giành được.

Ngày 12-12-1946, Trung ương ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông

⁹⁴ Nghị quyết của Ủy ban Liên bộ Đông Dương (Comindo), ngày 23-11-1946.

(nay thuộc quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!...”⁹⁵.

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện mệnh lệnh của Chính phủ, bắt đầu từ 20 giờ ngày 19-12-1946, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quân và dân Hà Nội và ở các đô thị từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút, pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Đền điện trong thành phố vụt tắt, các lực lượng vũ trang Vệ quốc đoàn, Tự vệ chiến đấu, Công an xung phong nhất loạt tấn công các vị trí đóng quân của Pháp trong thành phố. Cuộc chiến đấu diễn ra trên từng góc phố, căn nhà vô cùng ác liệt, không cân sức giữa ta và địch. Cuộc chiến đấu ở mặt trận Hà Nội là quyết liệt nhất, diễn ra liên tục trong suốt 60 ngày đêm khói lửa. Nhiều trận đánh ác liệt, giằng co, quyết tử, một mất một còn giữa ta và Pháp ở nhà Bắc Bộ phủ, nhà Bưu điện Bờ Hồ, chợ Đồng Xuân, ga Hàng cỏ, sân bay Bạch Mai, Ô Cầu Dền... là tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu bất khuất, kiên cường “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của quân dân cả nước. Quân ta đã chống trả quyết liệt, đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não, lãnh đạo của Trung ương và nhân dân rút ra ngoài thành; hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố, bước đầu làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp; bảo toàn lực lượng, phát triển lực lượng chiến đấu thành một Trung đoàn chính quy mang tên “Trung đoàn Thủ đô”. Đến ngày 17-2-1947, Trung đoàn Thủ đô và các lực lượng quân sự đã chủ động rút lui ra ngoài thành phố, lên chiến khu an toàn để củng cố, bảo toàn và phát triển lực lượng kháng chiến lâu dài...

Ở các địa phương khác, như Đà Nẵng, Huế, Vinh, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang quân và dân ta cũng đồng loạt nổ súng tấn công vào các vị trí đóng quân của địch trong các đô thị, ngăn chặn địch trên các tuyến giao thông, đánh phá các cơ sở hạ tầng chiến

⁹⁵ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, trang 534.

tranh của địch; giữ chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng xung quanh thành phố, thị xã, thị trấn; tiếp tục di chuyển nhân tài, vật lực lên các khu căn cứ địa và ATK...

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947. Nội dung cơ bản của đường lối là: *dựa trên sức mạnh toàn dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính*. Đường lối đó được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, lời kêu gọi, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, trong đó tập trung ở các văn bản: Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* (25-11-1945), Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* (3-3-1946), Chỉ thị *Hòa để tiến* (9-3-1946), Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (12-12-1946), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh (8-1947),...

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận”. Trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động viên và phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi.

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, là sự kế thừa tư tưởng chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần

vốn của trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng quyết định chia cả nước thành các khu và sau này thành các chiến khu quân sự để phục vụ yêu cầu chỉ đạo cuộc kháng chiến. Các Ủy ban kháng chiến hành chính được thành lập; các tổ chức chính trị, xã hội được củng cố nhằm tăng cường đoàn kết, tập hợp đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến.

Ngày 6-4-1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng với việc mở đợt phát triển đảng viên mới “Lớp tháng Tám”. Nhiều quần chúng ưu tú công, nông, trí đã gia nhập Đảng. Cuối năm 1947, tổng số đảng viên toàn Đảng tăng lên đến hơn 70.000 người. Bộ đội chính quy phát triển lên hơn 12 vạn quân được biên chế thành 57 trung đoàn và 20 tiểu đoàn độc lập, bên cạnh đó lực lượng dân quân tự vệ đã phát triển lên hơn 1 triệu người. Trang bị vũ khí được cải thiện có khoảng 3 vạn khẩu súng, toàn quân có hơn 20 công xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí thô sơ. Lực lượng công an được thống nhất tổ chức trong toàn quốc và hoạt động cả trong vùng địch hậu và vùng tự do. Tổ chức của Nha Công an Việt Nam được thiết lập theo hệ thống dọc đến cấp Khu, Ty, Quận, huyện, có sự phát triển mới cả về biên chế, tổ chức bộ máy, lý luận nghiệp vụ. Công an nhân dân đã lập nên nhiều chiến công lớn có tiếng vang trong cả nước, điển hình là chiến công của Tổ điệp báo A13, đánh đắm Thông báo **hạm Amyot danvill (Amiôđanhvin) của Pháp** ở ngoài khơi vùng biển Sầm Sơn, Thanh Hóa (9-1950), góp phần đập tan âm mưu của thực dân Pháp hòng mua chuộc, lôi kéo những người kháng chiến ly khai để xây dựng “chiến khu quốc gia”, đánh chiếm vùng tự do Thanh-Nghệ-Tĩnh của ta⁹⁶...

⁹⁶ Bộ Nội vụ: *Công an nhân dân Việt Nam-Lịch sử biên niên (1945-1954)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1994, trang 235.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp. Tìm hướng đi tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của lực lượng tiến bộ và nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến, đặt cơ quan đại diện ở Thái Lan, Miến Điện (nay là Myanmar), cử các đoàn đại biểu đi dự hội nghị quốc tế...

Về quân sự, Thu Đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân, gồm cả ba lực lượng chủ lực lục quân, hải quân và không quân, hình thành ba mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc, trong đó có mũi thọc sâu, đột kích nhảy dù xuống trung tâm thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, hòng bắt gọn Chính phủ Hồ Chí Minh. Các mũi khác tiến theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng; một mũi tiến theo đường sông Hồng lên sông Lô, sông Gâm tiến công vào ATK Tuyên Quang, thọc sâu vào vùng ATK hàng trăm cây số, trải rộng trên địa bàn khắp 12 tỉnh Việt Bắc. Để đối phó với cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, trong đó nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường là phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao vây không để địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân, đồng loạt tấn công đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của chúng cả đường bộ và đường sông. Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục, oanh liệt, đến ngày 21-12-1947, quân và dân ta đã lần lượt bẻ gãy tất cả các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, bắn chìm nhiều tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Ta đã bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến, đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Phối hợp với mặt trận chính, Đảng đã chỉ đạo quân dân vùng tạm bị chiếm đẩy mạnh kháng chiến, ra sức đánh phá chính quyền địch, diệt tề, trừ gian, trừng trị nhiều tên Việt gian tay sai đầu sỏ ngay trong sào huyệt của chúng⁹⁷. Đầu năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng 1 Trung tướng và 9 Thiếu tướng. Sự kiện đó là bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Từ năm 1948, tình hình quốc tế có những chuyển biến có lợi cho các lực lượng cách mạng và tác động tích cực đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đặc biệt, ngày 1-10-1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời. Nước Pháp liên tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn

⁹⁷ Bộ Nội vụ: *Công an nhân dân Việt Nam-Lịch sử biên niên (1945-1954)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1994, trang 134.

phức tạp nảy sinh, thể chiến lược quân sự của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

Phát huy thắng lợi, Đảng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn diện để làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp. Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, việc xây dựng thực lực kháng chiến được tăng cường. Các ngành, các giới, các đoàn thể phát động rộng rãi, mạnh mẽ và tổ chức sâu rộng nhiều cuộc vận động thi đua ái quốc theo Lời kêu gọi Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra ngày 11-6-1948. Nhiều loại hàng hóa cần thiết cho đời sống của bộ đội và nhân dân được sản xuất và tự cấp, tự túc kịp thời, như: vải vóc, giấy, thuốc chữa bệnh, nông cụ... Hội nghị Văn hóa toàn quốc được tổ chức (7-1948) đã nhất trí thông qua đường lối, phương châm xây dựng nền văn hóa mới mang tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng. Tàn tích văn hóa thực dân, phong kiến từng bước được xóa bỏ, hình thành các giá trị văn hóa mới; công tác cải cách nền giáo dục quốc gia cũng thu được những kết quả tích cực.

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc, Liên Xô và sau đó lần lượt Chính phủ Trung Quốc (18-1-1950), Liên Xô (30-1-1950) và các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Triều Tiên (2-1950) công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; ủng hộ, giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Với Lào và Campuchia, Đảng chủ trương “mở rộng mặt trận Lào-Miên”, thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu Việt-Miên-Lào để giúp bạn và cùng bạn chiến đấu. Từ cuối năm 1947, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã cử một số cán bộ chiến sĩ sang giúp lực lượng kháng chiến Lào, xây dựng các khu căn cứ kháng chiến ở vùng Hạ, Trung và Thượng Lào. Cán bộ Việt kiều ở Thái Lan đã giúp lực lượng yêu nước Campuchia thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Khome; xây dựng vùng căn cứ ở Tây Bắc Campuchia.

Tháng 11-1949, Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Trong quân đội có cuộc vận động “luyện quân lập công” và tiếp theo là phong trào thi đua “rèn cán, chinh quân”. Lực lượng ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) được phát triển nhanh chóng và trưởng thành về mọi mặt, số lượng bộ đội tăng lên 23 vạn người, trong đó có 40.000 đảng viên; số dân quân tự vệ và du kích lên đến 3 triệu người. Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta đã hơn hẳn địch⁹⁸, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội. Lực lượng Công an Việt Nam được Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng theo đường lối Công an nhân

⁹⁸ Quân đội ta có 2 Đại đoàn (304 và 308), 2 Trung đoàn chủ lực và 12 Trung đoàn chủ lực của Liên khu. Quân đội Pháp ở Việt Nam lúc này chỉ có 12 Tiểu đoàn cơ động chiến lược.

dân và 6 lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tư cách người Công an cách mạng⁹⁹. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh và phát triển nhanh trong 2 năm 1948, 1949, kết nạp được hơn 50.000 đảng viên mới. Cuộc vận động “xây dựng chi bộ tự động công tác” đã góp phần phát triển rộng khắp và tôi luyện các cơ sở đảng. Tháng 2-1950, Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương tổng động viên, ra sắc lệnh huy động nhân lực, vật lực, tài lực của toàn dân để phục vụ đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi lớn hơn. Từ cuối năm 1950, Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát hiện ở nhiều nơi việc phát triển Đảng “quá nóng”, mắc sai lầm về tiêu chuẩn đảng viên. Trung ương Đảng đã ra chỉ thị uốn nắn, sửa chữa khắc phục một số khuyết điểm, sai lầm chủ quan nóng vội, muốn chuyển nhanh, chuyển mạnh sang tổng phản công; nhận thức lệch lạc trong động viên sức người, sức của vượt quá sức dân.

Trong vùng tạm bị chiếm, Đảng chỉ đạo tiếp tục phát triển mạnh chiến tranh du kích để “biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta”. Nhân dân cùng lực lượng vũ trang đã tiến hành chiến dịch tổng phá tề, trừ gian ở vùng sau lưng địch, phá hệ thống kìm kẹp của địch, đánh phá bộ máy chính quyền bù nhìn cơ sở của địch ở nhiều vùng rộng lớn, lập chính quyền của ta; tổ chức chống càn quét, chống đi phu, bắt lính, chống nộp thuế cho địch. Tại nhiều địa phương quân và dân đã phối hợp hiệp đồng chiến đấu, tổ chức đánh phục kích tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và giành được thắng lợi giòn giã, điển hình như: trận La Ngà (3-1948), Tầm Vu (4-1948); trận Đồng Dương (4-1948), trận Nghĩa Lộ (3-1948).

Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm cơ hội thay thế Pháp. Ngày 9-1-1950, 3.000 sinh viên Sài Gòn biểu tình, Trần Văn Ôn hy sinh. Ngày 19-3-1950, hơn 500.000 người dân Sài Gòn biểu tình chống Mỹ khi Mỹ đưa tàu chiến tới Cảng Sài Gòn. Xứ ủy Nam Bộ có vai trò quan trọng trong chỉ đạo đấu tranh, luật sư Nguyễn Hữu Thọ tham gia lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh.

Địa bàn Nam Bộ, vốn là nơi địch thực hiện “chiến thuật mạng nhện”, xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc và đã gây cho ta nhiều khó khăn. Nhận thức được điều đó, Xứ ủy Nam Bộ đã kịp thời chỉ đạo khắc phục, đưa phong trào chiến tranh du kích ngày càng phát triển. Mặt trận Khu VIII, ta mở chiến dịch Cầu Kè-Trà Vinh (4-1949), đánh vây đồn, diệt viện và thu được thắng lợi to lớn. Ở Khu VII bộ đội thử nghiệm cách đánh đặc biệt (sau gọi là đặc công) dùng mìn đánh tháp canh và các mục tiêu cầu, cống, kho tàng của địch với trận đánh đầu tiên ở cầu Bà Kiên đêm 18-4-1950.

Từ cuối năm 1948 đầu năm 1949, Trung ương Đảng chủ trương tăng cường phối hợp chiến đấu với quân, dân Lào, Campuchia và Trung Quốc. Trực tiếp đưa bộ đội tham

⁹⁹ Thư gửi Giám đốc Công an Khu XII, ngày 11-3-1948.

gia hỗ trợ quân giải phóng Trung Quốc trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn ở khu vực biên giới Việt – Trung

Từ giữa năm 1949, tướng Revers (Rove) -Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa, khóa chặt biên giới Việt-Trung. Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở một chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt-Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950), nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang rộng mở quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới. Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 trải dọc theo tuyến biên giới Việt-Trung từ thị xã Cao Bằng đến Đình Lập (giáp Móng Cái). Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra không nghỉ trong suốt 30 ngày đêm liên tục, từ ngày 16-9 đến 17-10-1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây”. Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 766.000 đảng viên toàn Đảng. Đại hội lần thứ hai của Đảng được tiến hành trong bối cảnh Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng. Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giups đỡ Pháp can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Ở trong nước, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Cách mạng Lào và Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực. Điều kiện lịch sử đó đặt ra cho Đảng Cộng sản Đông Dương các yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng phù hợp với mỗi nước ở Đông Dương để đưa kháng chiến đi đến thắng lợi.

Theo sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam, được những người cộng sản Lào và Campuchia nhất trí tán thành, Đại hội quyết định: Do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một đảng riêng.

Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam¹⁰⁰..

Sau Diễn văn khai mạc của Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* của Trường Chinh, *Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng* của Lê Văn Lương...

Báo cáo chính trị đã tổng kết phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau; rút ra bài học trong 21 năm hoạt động của Đảng. Báo cáo vạch rõ nhiệm vụ nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Đảng phải đề ra những chính sách và biện pháp tích cực tăng cường lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh thi đua ái quốc, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường đoàn kết quốc tế; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng Lao động Việt Nam thành “một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để” để lãnh đạo đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của báo cáo được phản ánh trong *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội thông qua, gồm các nội dung quan trọng sau đây:

- *Xác định tính chất của xã hội Việt Nam* lúc này có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”. Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Đối tượng đấu tranh chính của Việt Nam hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, và phong kiến phản động.

- *Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định là*: “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”. Nhưng nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng nhiệm vụ chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

- *Động lực của cách mạng Việt Nam* được xác gồm có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân

¹⁰⁰ Ngày 28-6-1951, Đảng bộ Campuchia đã họp Đại hội, quyết định thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia và bầu Ban Lãnh đạo của Đảng do Sơn Ngọc Minh đứng đầu. Đảng bộ Lào cũng tích cực chuẩn bị và đến ngày 22-3-1955 đã họp Đại hội, quyết định thành lập Đảng Nhân dân Lào (sau đổi là Đảng Nhân dân Cách mạng Lào), do Cayxón Phômvihân làm Tổng Bí thư.

sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó lấy nền tảng là giai cấp công, giai cấp nông và lao động trí óc; giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- *Chính cương cũng nêu ra triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam* nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nên nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là quá trình lâu dài, có các giai đoạn phát triển tương ứng với những nhiệm vụ trung tâm, đó là: hoàn thành giải phóng dân tộc; xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; tiến tới xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Nội dung của Chính cương còn nêu ra 15 chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn hiện tại nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương, 71 điều, trong đó xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng là phấn đấu “để phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số Việt Nam”¹⁰¹. Điều lệ Đảng cũng nêu ra những quy định về đảng viên, về nền tảng tư tưởng của Đảng, nguyên tắc hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam và nhấn mạnh: “trong giai đoạn này quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”¹⁰².

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã bầu Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết và Ban Bí thư. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Đại hội II thành công là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt, là “Đại hội kháng chiến kiến quốc”, “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam” Tuy nhiên, Đại hội cũng có hạn chế, khuyết điểm về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc, đưa cả lý luận Xtalin, tưởng Mao Trạch Đông vào làm “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”¹⁰³.

¹⁰¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 12, trang 438.

¹⁰² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 12, trang 439.

¹⁰³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 12, trang 437.

Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt

Nhằm làm thất bại kế hoạch Đờ Lát Đờ Tátxinhi (Jean de Lattre de Tassigny), từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự có quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện phát triển cuộc chiến tranh du kích vùng sau lưng địch. Tiếp đó ta mở Chiến dịch Hòa Bình (12-1951) và Chiến dịch Tây Bắc Thu Đông 1952, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một phần vùng Tây Bắc, phá âm mưu lập “Xứ Thái tự trị” của thực dân Pháp. Trên chiến trường Liên khu V, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, Bắc Quảng Nam, Khánh Hòa, Nam Bình Thuận... Trên địa bàn Nam Bộ, theo chỉ đạo của Xứ ủy, lực lượng vũ trang được tổ chức và sắp xếp lại cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích. Quân và dân Nam Bộ tích cực tiến công địch bằng các hình thức tập kích, phục kích, đánh đặc công, tiêu biểu là trận đánh vào khu hậu cần của Pháp ở Phú Thọ (Sài Gòn), ngày 8-5-1952, đốt cháy hơn 5 triệu lít xăng, phá hủy hơn 1.000 quả bom và diệt gọn một đại đội quân Pháp... Phát huy thắng lợi của các chiến dịch quân sự trong nước, Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào (gồm tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng), giúp Chính phủ kháng chiến Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng khu căn cứ địa, phá thế bố trí chiến lược của thực dân Pháp ở Bắc Đông Dương.

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh việc chăm lo phát triển thực lực, củng cố và tăng cường sức mạnh hậu phương kháng chiến. Tháng 4-1952, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba của Đảng đề ra những quyết sách lớn về công tác “chỉnh Đảng, chỉnh quân”, xác định đó là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, xây dựng quân đội giai đoạn này. Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, khắc phục khó khăn, hăng hái lao động, tăng gia sản xuất đã tự túc một phần lương thực, thực phẩm; bảo đảm đạn dược, thuốc men, quân trang, quân dụng cung cấp đủ cho bộ đội. Chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính, xây dựng ngành thương nghiệp, ngân hàng; thực hiện từng bước chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách địa tô. Các mặt văn hóa, y tế, giáo dục, xây dựng nếp sống mới, củng cố mặt trận dân tộc thống nhất cũng được phát triển và đạt được nhiều thành tựu mới...

Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện các cải cách dân chủ, phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất nhằm góp phần thúc đẩy kháng chiến mau thắng lợi, thực hiện mục tiêu người cày có ruộng. Nông dân đã được tạm cấp gần 180.000 héc ta ruộng đất vốn là của thực dân, địa chủ Việt gian, ruộng công, ruộng hoang hóa, vắng chủ. Tháng 1-1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung

ương Đảng lần thứ tư đã họp kiểm điểm về thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và quyết định tiến tới cải cách ruộng đất ở một số vùng nông thôn Việt Nam. Tháng 11-1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm và Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ nhất quyết nghị thông qua Cương lĩnh ruộng đất của Đảng Lao động Việt Nam với 23 điều và nêu chủ trương: “phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất”, thực hiện người cày có ruộng, nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của người nông dân. Chủ trương, chính sách về ruộng đất và cải cách ruộng đất của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như: hiến ruộng đất, tịch thu, trưng thu, trưng mua và đem ruộng đất đó chia cho cố nông, bần nông và trung nông lớp dưới là những người không có hoặc thiếu ruộng cày cấy. Chủ trương đó đã tạo ra chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị ở nông thôn, thúc đẩy sức sản xuất phát triển, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân Việt Nam.

Ngày 4-12-1953, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh Luật cải cách ruộng đất. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ hàng ngàn héc-ta ruộng đất và các loại nông cụ, trâu bò, tư liệu sản xuất nông nghiệp đã được chia cho nông dân nghèo, nhất là bần, cố nông. Thắng lợi này đã làm nức lòng bộ đội nơi tiền tuyến, tăng thêm quyết tâm giết giặc, lập công, góp phần tích cực động viên sức người, sức của cho Chiến dịch Điện Biên Phủ... Song, do còn hạn chế trong nhận thức, việc tiếp thu kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của nước ngoài đã mắc vào giáo điều chủ nghĩa, vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng là độc đoán, chuyên quyền, định kiến chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, nhất là ở phương pháp, cách làm, ở việc chỉ đạo xử lý không đúng một số trường hợp oan sai trong cải cách ruộng đất, càng về sau càng nặng hơn...¹⁰⁴.

Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

Bước vào năm 1953, quân đội Pháp ở Đông Dương bị mắc kẹt trong mâu thuẫn giữa tập trung binh lực và chiếm giữ, giữa tiến công và phòng ngự, giữa bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ và bảo vệ vùng Tây Bắc, Thượng Lào. Nước Pháp lệ thuộc ngày càng sâu vào viện trợ quân sự Mỹ và đang dốc mọi cố gắng hòng tìm một lối thoát trong danh dự.

Tháng 5-1953, Pháp cử Đại **tướng H. Navarre (Hãngri Nava)** đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị-quân sự mới lấy tên là “Kế hoạch Nava”. Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng

¹⁰⁴ Về vấn đề này, đến Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mười (mở rộng) tháng 10-1956, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc, nhận thức đầy đủ, chỉ rõ khuyết điểm, sai lầm, nguyên nhân sai lầm và đã tự phê bình rất nghiêm khắc, có hình thức kỷ luật thích đáng những cá nhân gây ra sai phạm; đề ra nhiều chủ trương, biện pháp khắc phục hậu quả, lấy lại niềm tin của nhân dân.

nhằm “chuyển bại thành thắng”. Nava chủ trương tăng cường tập trung binh lực, hình thành những “quả đấm thép” để quyết chiến với chủ lực của iệt Minh. **Chi phí vật chất của kế hoạch Nava phần lớn do Mỹ** thực hiện. Trong quá trình triển khai kế hoạch, Nava đã từng bước biến Điện Biên Phủ-một địa danh vùng Tây Bắc Việt Nam trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ và là trung tâm điểm của kế hoạch. Đến đầu năm 1954, Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một “pháo đài khổng lồ không thể công phá”, được giới quân sự, chính trị Pháp-Mỹ đánh giá là “một cỗ máy để nghiền Việt Minh”.

Để đánh bại âm mưu và kế hoạch Nava, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Từ đầu tháng 9-1953, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam nghiên cứu, đánh giá toàn diện tình hình quân sự trên chiến trường và vạch ra kế hoạch tác chiến mới. Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp bàn và thông qua chủ trương tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta, giữ vững thế chủ động, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Nghị quyết quan trọng này của Bộ Chính trị đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tháng 12-1953, Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường và được Bộ Chính trị phê chuẩn. Trên cơ sở báo cáo quyết tâm của Tổng Quân ủy, cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 6-12-1953 đã quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp -Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh quân đội trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ và tạo điều kiện cho trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ, lực lượng quân sự tổ chức nghi binh, kéo dẫn lực lượng địch trên toàn chiến trường Đông Dương, mở nhiều cuộc tấn công địch đồng loạt trên các hướng chiến lược quan trọng, như: Lai Châu (12-1953); Trung Lào (12-1953), Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia (12-1953); mặt trận Tây Nguyên (1-1954); Thượng Lào (1-1954). Tại mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ ta tổ chức đồng loạt tấn công địch, kết hợp phát động phá tề, trừ gian, mở các chiến dịch địch vận, nguy vận, phá hủy giao thông, đẩy mạnh hoạt động chiến tranh du kích...

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện tiền tuyến, nhất là lực lượng nông dân, cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ủy ban chi viện tiền tuyến; Hội đồng cung cấp mặt trận Trung ương và các địa phương cũng được thành lập. Mọi nguồn nhân tài, vật lực, dân

công tiếp tế, chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ được tăng cường với hàng vạn ngày công, hàng vạn tấn lương thực, đạn dược, vũ khí, phương tiện trang bị,... Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được”¹⁰⁵.

Thực hiện quyết tâm chiến lược đó, ta đã tập trung khoảng 5 vạn quân với mọi nỗ lực và quyết tâm cao nhất bao vây chặt quân địch ở Điện Biên Phủ. Với phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”, ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu phía Bắc trung tâm Mường Thanh, mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 56 ngày đêm, với 3 đợt tiến công lớn, vào hồi 17 giờ 30 phút chiều 7-5-1954, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống **tướng Christian de Castries (Đờ Cátôri)** chỉ huy trưởng và Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ lực lượng địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt và bị bắt sống. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đưa cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang..

Chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân anh hùng. Với nước Pháp “Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn nhất của phương Tây...”¹⁰⁶. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là “thiên sử vàng của dân tộc Việt Nam”, được ghi nhận là một chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX và “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân”¹⁰⁷.

Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Những thắng lợi này đã góp phần cổ vũ, tác động tích cực đối với mặt trận Điện Biên Phủ.

Từ cuối năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố về lập trường của Việt Nam là: “Chính phủ Pháp phải thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam”, phải đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược và phải thương lượng trực tiếp và chủ yếu với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa¹⁰⁸. Tuyên bố này mở đường cho đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị **Geneve** (Giơnevơ, **Thụy Sĩ**).

¹⁰⁵ Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp (12-1953).

¹⁰⁶ Jules Roy: *Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt của người Pháp*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 579.

¹⁰⁷ Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, trang 90.

¹⁰⁸ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 8, trang 340-341.

Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương. Ngày 8-5-1954, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị với tư thế một dân tộc chiến thắng. Trong 75 ngày đàm phán căng thẳng, gay go, phức tạp, trải qua 8 phiên họp toàn thể, 23 phiên họp cấp trưởng đoàn và nhiều cuộc gặp gỡ riêng với nhiều áp lực, tác động tiêu cực của diễn biến tình hình quốc tế phức tạp và sức ép của các nước lớn. Cần nhấn mạnh rằng Hội nghị Geneve là hội nghị của các nước lớn bàn về chiến tranh Đông Dương. Đoàn Mỹ do John Foster Dules (J. Đalét) Bộ trưởng Ngoại giao dẫn đầu, đoàn Vương quốc Anh do Bộ trưởng Ngoại giao Anthony Eden là trưởng đoàn, đoàn Pháp do Georges Bidault (Bi đôn), sau đó làm Thủ tướng Mendes France Thủ tướng dẫn đầu, đoàn Liên Xô do Bộ trưởng Ngoại giao Viacheslav Molotov làm trưởng đoàn, đoàn Trung Quốc do Thủ tướng Chu Ân Lai (Zhou En Rai). Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu. Các đoàn Vương quốc Lào, Vương quốc Campuchia và Quốc gia Việt Nam (chính quyền Bảo Đại) cũng tham gia hội nghị. Phía Việt Nam luôn kiên trì đấu tranh, giữ vững nguyên tắc, nhân nhượng có điều kiện và cũng tích cực đấu tranh để bảo vệ quyền lợi chính trị của lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia. Song so sánh lực lượng không thuận lợi cho cách mạng ba nước Đông Dương, nên ta đồng ý chấp nhận ký kết với Pháp bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam vào ngày 21-7-1954. Trong quá trình diễn ra Hội nghị Mỹ đã gây sức ép buộc Pháp chấp nhận đưa Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ tướng trong chính quyền Bảo Đại nhằm xây dựng một chính quyền thân Mỹ thay thế chính quyền thân Pháp. Tổng thống Mỹ Dwight D Eisenhower (Ai xen hao) quyết tâm thúc đẩy quá trình Mỹ thay thế Pháp ở Việt Nam và Đông Dương.

Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên (riêng phía đại biểu Mỹ không ký, nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định). Bản Tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự Hội nghị long trọng cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đó; cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương... Kết quả Hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ.

Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề về chính trị- xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam; có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược có quy mô lớn của quân đội nhà nghề có tiềm lực quân sự và kinh tế hùng mạnh với các trang bị vũ khí, công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; được điều hành bởi các nhà chính trị lão luyện, các tướng tá quân sự tài ba của Pháp-Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, nó có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh.

Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Thắng lợi của cuộc kháng chiến, ghi nhận sự phát triển và thành công trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc của Đảng Lao động Việt Nam và để lại nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu.

Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Đường lối cơ bản là “kháng chiến và kiến quốc”; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính. Tinh thần, khí phách đó đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài, thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến. Kết hợp sức mạnh nội lực của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi của quốc tế, phát huy có hiệu quả cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ đối với cuộc kháng chiến.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ

bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn hình các thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị-xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế. Kháng chiến đi đôi với kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến, xây dựng hậu phương-căn cứ địa vững chắc luôn là những nhiệm vụ cơ bản, cùng đồng hành và là nội dung chủ yếu, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Kết hợp chiến tranh chính qui với chiến tranh du kích ở cả mặt trận chính diện và vùng sau lưng địch, vùng tạm bị chiếm. Phát huy sở trường của ta và cách đánh địch sáng tạo, linh hoạt kết hợp với chỉ đạo chiến thuật tác chiến linh hoạt, cơ động, “đánh chắc, tiến chắc, chắc thắng”, thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị-quân sự của cuộc kháng chiến. Xây dựng mô hình tổ chức bộ **máy lực lượng vũ trang, nhất là** Quân đội nhân dân, Công an nhân dân một cách đúng đắn, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng - chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân đánh giặc. Đảng và quân đội đã xây dựng thành **công hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ”** trong kháng chiến; xây dựng Công an nhân dân, mang bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc, công an là “bạn dân” theo tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận. Xây dựng, bồi đắp hình ảnh, uy tín của Đảng và Chính phủ phải bằng hành động thực tế, bằng sự nêu gương và vai trò tiên phong của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình tổ chức cuộc kháng chiến ở cả căn cứ địa-hậu phương và vùng bị địch tạm chiếm. Hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên cao nhất, nhiều nhất mọi nguồn lực vật chất trong nhân dân, phát huy cao độ tinh thần, nghị lực của nhân dân; củng cố lòng tin vững chắc của nhân dân đối với thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng

chiến.

Trong công tác xây dựng, chính đốn Đảng phải luôn nâng cao nhận thức chính trị-tư tưởng, chú ý khắc phục những khuynh hướng tư tưởng giáo điều “tả” khuynh, hữu khuynh, chủ quan, duy ý chí trong chỉ đạo, tổ chức cuộc kháng chiến, nhất là: tư tưởng chủ quan, nóng vội, coi thường sức mạnh của địch; tập trung cao độ vào nhiệm vụ quân sự, nhưng ít chú ý đúng mức đến nhiệm vụ xây dựng và kiến quốc; giải quyết hài hòa, thỏa đáng mối quan hệ giữa huy động sức dân với bồi dưỡng, nâng cao sức dân; học hỏi, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài phải sáng tạo phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Trong công tác chính đảng, chính quân mắc vào chủ nghĩa phân, đổ kỵ trong công tác cán bộ... Những khuyết điểm này đã gây ra tác hại đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm giảm sút lòng tin trong nhân dân đối với Đảng và Chính phủ.

II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 1954-1975

1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc 1954-1965

Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960

Ở miền Bắc: Sau ngày Hiệp định Giơnevơ (7-1954) được ký kết, cách mạng có những đặc điểm và thuận lợi, khó khăn mới.

Đặc điểm chưa có tiền lệ lịch sử là đất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, miền Nam do chính quyền đối phương quản lý, trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Trên trường quốc tế, thuận lợi của cách mạng Việt Nam là hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản. Bất lợi là: xuất hiện đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Ở trong nước, thuận lợi là đã có miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước sau 9 năm kháng chiến. Có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước. Khó khăn là: đất nước chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau, miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm

soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam.

Tình hình phức tạp nêu trên đã đặt Đảng ta trước một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Trải qua nhiều hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, chủ trương chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới của Đảng từng bước hình thành.

Về chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sau khi miền Bắc được giải phóng, Trung ương Đảng đã chủ trương chuyển miền Bắc sang giai đoạn mới với nhận thức: sự kết thúc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa như các cương lĩnh của Đảng đã xác định.

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định, đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau 9 năm chiến tranh.

Hội nghị lần thứ bảy (3-1955) và lần thứ tám (8-1955) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hắt cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, ngay sau khi hoà bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc đấu tranh đòi đối phương phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng lịch trình quy định. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp bởi Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá, làm rối loạn xã hội và mất trật tự an ninh trước khi chúng rút quân, như kích động, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên chúa di cư vào Nam, phá hoại, di chuyển máy móc nguyên vật liệu trái phép...

Để chống lại âm mưu, thủ đoạn của địch và ổn định tình hình, Đảng và Nhà nước đã ban hành kịp thời nhiều chính sách chỉ đạo các địa phương thực hiện, như: chính sách đối với tôn giáo; chính sách đối với công chức, trí thức trước đây làm việc cho địch; chính sách đối với ngụy quân. Ngoài ra, Đảng và Nhà nước còn huy động hàng vạn cán bộ, bộ đội đến giúp đỡ các địa phương, tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh chống địch cưỡng ép di cư nhằm ổn định tình hình.

Trước tình thế đấu tranh của nhân dân ta, địch đã phải rút quân theo đúng Hiệp

định. Ngày 10-10-1954, **người lính** Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội, ngày 16-5-1955, toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp và tay sai đã phải rút khỏi miền Bắc.

Nhận rõ kinh tế miền Bắc cơ bản là nông nghiệp, Đảng đã chỉ đạo lấy khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất và vận động đổi công, giúp nhau sản xuất, đồng thời, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp. Đến năm 1957, cơ bản nông nghiệp miền Bắc đã đạt được năng suất và sản lượng của năm 1939, năm cao nhất dưới thời Pháp thuộc. Nhờ đó nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.

Cùng với khôi phục sản xuất nông nghiệp, việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Hầu hết các xí nghiệp quan trọng đã được phục hồi sản xuất và tăng thêm thiết bị, một số nhà máy mới được xây dựng. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Để đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương dựa hân vào bản cố nông, đoàn kết với trung nông, đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của họ để chia đều cho dân cày nghèo. Đến tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và miền núi. Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc đến đây bị xóa bỏ hoàn toàn. Hơn 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai lầm là chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau ngày được hoàn toàn giải phóng. Do đó, trong chỉ đạo, thực hiện cải cách ruộng đất, đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh; sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn Việt Nam; trong chỉnh đốn tổ chức, đã nhận định sai về tình hình tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn, cho rằng về cơ bản đã bị địch lũng đoạn, từ đó dẫn đến xử lý oan nhiều cán bộ, đảng viên tốt. Sai lầm này đã gây ra một số tổn thất đối với Đảng và quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 9-1956, đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Trung ương Đảng. Công tác sửa sai trong năm 1956 đã được Đảng chỉ đạo,

tiến hành một cách thành khẩn, kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch chặt chẽ, nên từng bước đã khắc phục được những sai lầm đã xảy ra. Năm 1956 cũng đã phê phán, uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời vấn đề Nhân văn Giai phẩm¹⁰⁹.

Tháng 12-1957, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới. Đến tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Cũng như tư duy, nhận thức chung của các nước xã hội chủ nghĩa anh em lúc đó, coi nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội là có 2 thành phần (quốc doanh và tập thể), Hội nghị đã xác định phải cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, tư bản tư doanh, khuyến khích chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể. Mục tiêu trước mắt là xây dựng, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, xác định hình thức và bước đi của hợp tác xã là: hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa, do vậy hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lao động, để phát huy tính ưu việt và sức mạnh của tập thể. Hội nghị chỉ rõ ba nguyên tắc cần được quán triệt trong suốt quá trình xây dựng hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, Hội nghị chủ trương cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản. Về chính trị, vẫn coi giai cấp tư sản là thành viên của Mặt trận Tổ quốc, về kinh tế không tịch thu tư liệu sản xuất của họ, mà dùng chính sách chuộc lại, thông qua hình thức công tư hợp doanh, sắp xếp công việc cho người tư sản trong xí nghiệp, dần dần cải tạo họ thành người lao động.

Kết quả của ba năm phát triển kinh tế-văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Ở miền Nam, từ năm 1954, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam. Âm mưu xâm lược của Mỹ đối với miền Nam là biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài Việt Nam; xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông Nam khi có điều kiện; biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội

¹⁰⁹ Nhân văn Giai phẩm: một số văn nghệ sĩ đã đăng những bài không đúng quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trên *Báo văn và Giai phẩm mùa xuân*

xuống vùng này.

Để thực hiện những âm mưu đó, Mỹ đã sử dụng nhiều thủ đoạn về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống¹¹⁰, xây dựng lực lượng quân đội gần nửa triệu người cùng hàng vạn cảnh sát, công an, mật vụ được trang bị, vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ. Bộ máy chính quyền, lực lượng quân đội, cảnh sát đã trở thành công cụ đắc lực nhằm thi hành chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Địch vừa dụ dỗ lừa bịp vừa đàn áp, khủng bố với nhiều thủ đoạn thâm độc, dã man, ráo riết thi hành quốc sách “tố cộng, diệt cộng”, lập “khu trù mật”, “khu dinh điền” nhằm mục đích bắt bớ, trả thù tất cả những người yêu nước kháng chiến cũ, thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của các tầng lớp nhân dân; gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Bến Tre, Quảng Nam, Phú Yên. Theo số liệu thống kê của địch trong vòng 10 tháng (từ tháng 7-1955 đến tháng 5-1956) địch đã bắt và giết 108.835 người. Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã xé bỏ Hiệp định Geneve, cự tuyệt tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Ngày 13-5-1957, Ngô Đình Diệm thăm Mỹ và tuyên bố: “Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”, đó là lập trường và hành động bán nước trắng trợn.

Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch, từ tháng 7-1954, Đảng quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi đối phương phải thi hành Hiệp định, tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, trong tình hình mới. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, (từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954), đã chỉ rõ: “Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ”.

Ngày 22-7-1954, Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và cán bộ chiến sĩ cả nước: “Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng”.

Nghị quyết Bộ Chính trị, tháng 9-1954, nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

¹¹⁰ Trước khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, ngày 7-7-1954, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam thay Bửu Lộc. Ngày 17-7-1955, theo chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố không hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và ngày 23-10-1955 đã tổ chức cái gọi là “trung cầu dân ý” để phê truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các đảng bộ miền Nam, tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do **đồng chí** Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư. Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*, nêu rõ chế độ **thống trị của Mỹ Diệm ở miền Nam là một chế độ độc tài, phát xít, hiếu chiến. Để chống đế quốc Mỹ và tay sai, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác¹¹¹...** Bản Đề cương là một trong những văn kiện quan trọng, góp phần hình thành đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng.

Theo chủ trương chuyển hướng của Đảng, hàng trăm tổ chức quần chúng công khai, trong đó có các ủy ban đấu tranh đòi hòa bình được thành lập ở miền Nam. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống bầu cử lừa bịp, chống cướp đất, đuổi nhà, dồn dân, đòi công ăn việc làm, chống khủng bố, chống sa thải, chống bắt lính... được phát triển mạnh ở cả nông thôn và thành thị với hàng triệu lượt người tham gia.

Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện quân thù khủng bố dã man, các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều địa phương đã chủ trương “điều” và “lẩn”¹¹² cán bộ để bám dân, bám đất lãnh đạo phong trào. Nhiều nơi quần chúng đã lấy vũ khí chôn giấu khi có Hiệp định đình chiến, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, chống lại khủng bố, tiêu diệt những tên phản động chỉ điểm, ác ôn. Nhiều khu căn cứ được củng cố lại, nhiều đội vũ trang được thành lập.

Từ năm 1958, kẻ địch càng đẩy mạnh khủng bố dã man, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung. Tháng 3-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”. Với luật 10/59, địch dùng Tòa án quân sự đặc biệt để đưa những người bị bắt ra xét xử và bắn giết tại chỗ. Địch khủng bố những người yêu nước và cách mạng bằng cả súng đạn và máy chém.

Chính sách khủng bố và chiến tranh đó đã làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam Việt Nam thêm gay gắt, làm cho tình thế cách mạng chín muồi, dẫn đến bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng. Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đã ra nghị quyết về cách mạng miền Nam với tinh thần cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân... Nghị

¹¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 17, trang 785, 787.

¹¹² Điều là đưa cán bộ đi hoạt động ở địa phương khác khi đã bị lộ, “lẩn” là tạm thời rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.

quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Đảng và sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, miền Bắc đã mở đường chi viện cách mạng miền Nam. Đường vận tải trên bộ mang tên đường 559, trên biển mang tên **đường 759. Đường vận tải Hồ Chí Minh trên bộ hình thành từ ngày 19-5-1959, đường Hồ Chí Minh trên biển từ ngày 23-10-1961 và kéo dài hàng ngàn km từ Bắc vào Nam cả trên bộ và trên biển. Các tỉnh miền Bắc đã chủ động kết nghĩa với các tỉnh miền Nam để phối hợp đấu tranh cách mạng vì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.**

Từ giữa năm 1959, một số cuộc khởi nghĩa vũ trang và đấu tranh vũ trang đã bùng nổ ở Tà Lóc, Tà Léc (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận); Trà Bồng (Quảng Ngãi) và ở Gò Quảng Cung (Đồng Tháp)... Ngày 17-1-1960, ở Bến Tre, hình thức khởi nghĩa đồng loạt (đồng khởi) bắt đầu bùng **nổ do đồng chí Nguyễn Thị Định lãnh đạo ở huyện Mỏ Cày, sau đó lan ra các huyện Minh Tân, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, rồi nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số nơi thuộc các tỉnh Trung Bộ. Hệ thống kìm kẹp của địch ở xã, ấp bị tê liệt và tan vỡ từng mảng lớn.**

Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn, có 1.383 xã/2.627 xã nhân dân lập chính quyền tự quản. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy.

Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), **Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Từ đây cách mạng** miền Nam đã có một tổ chức chính trị để tập hợp rộng rãi quần chúng, nhân dân đoàn kết đấu tranh theo chương trình hành động 10 điểm, hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam, **chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang** chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965

Tháng 9-1960, *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III* của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”¹¹³.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc,...¹¹⁴.

Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Về mục tiêu chiến lược chung, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Về hòa bình thống nhất Tổ quốc, Đại hội **chủ trương (hay phương châm)** kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập

¹¹³ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, trang 673.

¹¹⁴ Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 47 ủy viên chính thức, 31 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

và thống nhất Tổ quốc.

Về triển vọng của cách mạng, Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, hai mặt này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra *đường lối chung* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư

tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Tuy vẫn còn một số hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; song thành công cơ bản, to lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng là đã *hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.*

Đó chính là *đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam vừa phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đặt trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế, đường lối chung của Đảng còn là sự thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

Trên cơ sở miền Bắc đã hoàn thành kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra và chỉ đạo thực hiện *kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965)* nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội; cải thiện đời sống nhân dân; bảo đảm an ninh quốc phòng, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã mở nhiều hội nghị chuyên đề nhằm cụ thể hóa đường lối, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc

sống¹¹⁵.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965), nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành, các giới và các địa phương. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp Thành Công (Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II Bắc Lý (Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua “Ba nhất”. Đặc biệt, phong trào “Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt” theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh tại Hội nghị chính trị đặc biệt tháng 3-1964, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ở miền Nam, đã làm tăng thêm không khí phấn khởi, hăng hái vươn lên hoàn thành Kế hoạch năm năm lần thứ nhất.

Kế hoạch này mới thực hiện được hơn bốn năm (tính đến ngày 5-8-1964) thì được chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

Trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã không ngừng tăng cường chi viện cách mạng miền Nam. Tuy đường hành quân và vận tải theo dãy Trường Sơn còn nhiều khó khăn do địch đánh phá và địa hình hiểm trở, nhưng đã trở thành tuyến đường chiến lược huyết mạch nối hậu phương với chiến trường, liên tục có các đoàn cán bộ, chiến sĩ cùng vũ khí đạn dược bí mật đi “B” vào chi viện cách mạng miền Nam. Đường vận tải trên biển đã bất chấp sự ngăn chặn của quân thù và thời tiết hiểm nguy, đã có những chiếc “tàu không số” chở hàng chục tấn vũ khí từ miền Bắc vào tận các căn cứ ven biển Phú Yên, Bà Rịa, Cà Mau,... cung cấp cho bộ đội, du kích chiến đấu. Tính chung, năm 1965 số bộ đội từ miền Bắc được đưa vào miền Nam tăng 9 lần, số vật chất tăng 10 lần so với năm 1961. Đây là một thành công lớn, có ý nghĩa chiến lược của hậu phương miền Bắc với nhiều sự hy sinh anh dũng của cán bộ chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trên biển Đông và dãy Trường Sơn huyền thoại, góp phần vào chiến thắng của quân dân miền Nam đánh bại chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ và tay sai giai đoạn 1961-1965....

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, “miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới”¹¹⁶. Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước với chế

¹¹⁵ Như Về xây dựng Đảng (Hội nghị lần thứ tư, tháng 4-1961); Về phát triển nông nghiệp (Hội nghị lần thứ năm, tháng 7-1961); Về phát triển công nghiệp (Hội nghị lần thứ bảy, tháng 6-1962); Về kế hoạch nhà nước (Hội nghị tháng 4-1963); Về lưu thông phân phối, giá cả (Hội nghị lần thứ tám tháng 12-1964),...

¹¹⁶ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 14, trang 275.

độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

Ở miền Nam, từ năm 1961, do thất bại trong thực hiện hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới, đế quốc Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (Special War Strategy), một bộ phận trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt”, với vai trò của Tổng thống Mỹ John F Kennedy (J. Ken nơ dy). Với công thức “cố vắn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lập 17.000 ấp chiến lược là “quốc sách”. Chúng đã có hai kế hoạch quân sự-chính trị để thực hiện mục tiêu của chiến tranh đặc biệt là kế hoạch Stalay-Taylo (1961-1963) và L. Johnson – Robert S McNamara (Giôn xon-Mắc Namara 1964-1965). Chiến thuật quân sự được chúng áp dụng là “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”... Âm mưu, thủ đoạn “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đã gây cho cách mạng miền Nam nhiều khó khăn, nhất là những năm 1961-1962. Từ ngày 10-8-1961, Mỹ bắt đầu rải chất độc Dieoxin (chất độc màu da cam) xuống miền Nam Việt Nam

Tháng 1-1961 và tháng 2-1962, các cuộc Hội nghị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích, đánh giá tình hình giữa ta và địch ở miền Nam kể từ sau ngày Đồng khởi. Từ sự phân tích, đánh giá đúng tình hình, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về “*Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*”. Tinh thần của chỉ thị là *giữ vững thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam đã giành được từ sau phong trào Đồng khởi*, đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận. Trên thực tế, đây là quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng và chỉ rõ những nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng miền Nam là phải tiêu hao, tiêu diệt lực lượng quân đội Sài Gòn và làm phá sản quốc sách “ấp chiến lược” của địch.

Bộ Chính trị nhấn mạnh, do đặc điểm phát triển không đều của cách mạng miền Nam, tương quan lực lượng ở mỗi vùng khác nhau, địa hình hoạt động và tác chiến khác nhau, nên phương châm đấu tranh của ta phải linh hoạt, thích hợp với từng nơi, từng lúc cụ thể:

Vùng rừng núi: Lấy đấu tranh vũ trang là chủ yếu.

Vùng nông thôn đồng bằng: Kết hợp hai hình thức đấu tranh vũ trang và chính trị.

Vùng đô thị: Lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu.

Để tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, do Nguyễn Văn Linh làm Bí

thư. Đảng bộ miền Nam được kiện toàn với hệ thống tổ chức thống nhất, tập trung từ Trung ương Cục đến các chi bộ¹¹⁷. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam còn làm chức năng của chính quyền cách mạng. Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Vượt qua khó khăn, cách mạng miền Nam tiếp tục có bước phát triển mới, tiêu biểu là chiến thắng vang dội ở Ấp Bắc (Mỹ Tho). Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963) đã thể hiện sức mạnh và hiệu quả của đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ.

Từ đầu năm 1963, sau chiến thắng Ấp Bắc, phong trào đấu tranh phá “áp chiến lược” phát triển mạnh mẽ, với phương châm “bám đất, bám làng”, “một tác không đi, một ly không rời”¹¹⁸. Phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá “áp chiến lược” phát triển đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, học sinh, sinh viên và các giáo phái tham gia, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo năm 1963.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ địch ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Ngày 1-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, lực lượng quân đảo chính đã giết chết **Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm, và Cố vấn Ngô Đình Nhu. Từ tháng 11-1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính** quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.

Tháng 12-1963, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 9, xác định những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng miền Nam và đường lối đoàn kết quốc tế của Đảng. Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 đã xác định **“đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp” thắng lợi trên chiến trường.**

Được sự chi viện tích cực của miền Bắc, quân và dân miền Nam đã mở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường, như ở An Lão, Đèo Nhông-Dương Liễu, Việt An, Ba Gia (Khu V và khu vực Tây Nguyên, Trị Thiên), Bình Giã, Đồng Xoài (Nam Bộ). Chiến thắng Bình Giã (12-1964), Ba Gia (5-1965), Đồng Xoài (7-1965) đã sáng tạo một hình thức tiến công, phương châm tác chiến độc đáo ở miền Nam là: 2 chân (quân sự, chính trị), 3 mũi (quân sự, chính trị, binh vận), 3 vùng (đô thị, nông thôn đồng bằng, miền núi). Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị cũng phát triển sôi động, mạnh mẽ từ giữa năm 1963 trở đi. Các chiến dịch quân sự và phong trào đấu tranh chính trị dồn dập, có hiệu quả của quân và dân miền Nam đã làm cho ba chỗ

¹¹⁷ Đảng bộ miền Nam của Đảng có danh nghĩa công khai là *Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam*.

¹¹⁸ Tính từ năm 1961 đến năm 1963, chúng ta đã phá hoàn toàn 2.895/6.161 ấp chiến lược của địch, giành quyền làm chủ 12.000/17.000 thôn, giải phóng 5/14 triệu dân.

dựa chủ yếu của Mỹ là quân đội chính quyền Sài Gòn, hệ thống “áp chiến lược” và các đô thị bị lung lay tận gốc.

Với tinh thần chủ động, sáng tạo, sau hơn 4 năm (từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965), lực lượng cách mạng ở miền Nam đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Ba trụ cột của chiến lược này là xây dựng chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến cơ sở mạnh, xây dựng quân đội mạnh và bình định nông thôn miền Nam đều không thực hiện được. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ (1-11-1963) đã gây nên tình hình rối loạn kéo dài trên chính trường miền Nam thời gian sau đó.

Phong trào học sinh, sinh viên, trí thức ở đô thị, bãi công của công nhân, lực lượng biệt động đã đóng góp xứng đáng cho kháng chiến.

Tháng 9-1964, Bộ Chính trị họp và chủ trương giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới, tăng cường sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị được cử vào miền Nam trực tiếp phụ trách, chỉ đạo cuộc kháng chiến với cương vị Bí thư Trung ương Cục, Chính ủy Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Đến đầu năm 1965, các công cụ, chỗ dựa của “chiến tranh đặc biệt” là nguy **quân nguy quyền, áp chiến lược, đô thị đều bị lung lay tận gốc. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản. Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn nữa có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.**

2. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, để cứu vãn cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới, ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, chính quyền của **Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson (L.Giôn xon)** quyết định tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam. “Chiến tranh cục bộ” (**Local War Strategy**) là một hình thức chiến tranh trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ, biểu hiện là đưa quân chiến đấu Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến, đóng vai trò chủ yếu trên chiến trường miền Nam; quân đội Sài Gòn đóng vai trò hỗ trợ quân Mỹ và thực hiện bình định. Ngày 8-3-1965 quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng trực tiếp tham chiến ở miền Nam, Việt Nam. Đồng thời, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Chiến tranh lan rộng ra cả nước đã đặt vận mệnh của dân tộc ta trước những thách thức nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc và hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà”¹¹⁹.

Nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong giai đoạn mới là sự kế thừa và phát triển sáng tạo đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam đã được Đảng đề ra tại Đại hội lần thứ III (1960), gồm các nội dung lớn là:

Quyết tâm chiến lược: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường; cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược; Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam. Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

Mục tiêu chiến lược: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Phương châm chiến lược: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực

¹¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tập 26, trang 634.

tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quốc phòng, nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam, đồng thời, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy vai trò đắc lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, thì bất kỳ chúng đặt chân ở đâu trên đất nước Việt Nam, mọi người Việt Nam đều có nghĩa vụ tiêu diệt chúng. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965 với nội dung như trên thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong hoàn cảnh mới, cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi vẻ vang.

Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ 1965-1968

Ở miền Bắc: Từ ngày 5-8-1964, Mỹ dựng lên “sự kiện vịnh Bắc Bộ” nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại (*The War Destruction*) của đế quốc Mỹ. Với ý đồ của Tổng thống Mỹ Jonhson đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền

Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam; đề bệp ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của cả dân tộc Việt Nam, buộc chúng ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện do Mỹ đặt ra.

Trên thực tế, đế quốc Mỹ đã huy động lực lượng lớn không quân và hải quân, trút hàng triệu tấn bom đạn, tàn phá, hủy hoại nhiều thành phố, thị xã, thị trấn, xóm làng, nhiều công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nhiều bệnh viện, trường học, nhà ở, giết hại nhiều dân thường, gây nên những tội ác tày trời với nhân dân ta.

Trước tình hình đó, theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh: *Một là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế* cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; *Hai là, tăng cường lực lượng quốc phòng* cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; *Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất* để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; *Bốn là, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức* cho phù hợp với tình hình mới.

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ của miền Bắc phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường sức mạnh của miền Bắc làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm đó đã được thể hiện trong Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 17-7-1966: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập, tự do”¹²⁰.

Thực hiện những nghị quyết của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã đẩy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”, phụ nữ có phong trào “Ba đảm đang”, nông dân có phong trào “Tay cày tay súng”, công nhân có phong trào “Tay búa, tay súng”, trong chiến đấu có “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”, trong chi viện tiền tuyến có “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, trong bảo đảm giao thông vận tải có “Xe chưa qua, nhà không tiếc”,... Đó thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại hào hùng, sáng tạo với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Do bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam-Bắc, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc, và ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

⁽¹²⁰⁾ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, trang 131.

Sau bốn năm thực hiện chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế, hậu phương lớn miền Bắc đã đạt được những thành tích đáng tự hào trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chi viện tiền tuyến lớn miền Nam.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục, làm cho miền Bắc ngày càng thêm vững mạnh. Chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng ở miền Bắc lúc đó đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong chiến tranh. Chuyển hướng kinh tế, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh là nét đặc biệt chưa có tiền lệ. Sản xuất nông nghiệp không những không giảm sút mà còn có bước phát triển tiến bộ. Cơ sở vật chất-kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường so với trước chiến tranh; có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Phong trào thâm canh tăng vụ được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì mặc dù gặp nhiều khó khăn gay gắt. Nhiều nhà máy và xí nghiệp lớn phải sơ tán hoặc phân nhỏ để tiếp tục sản xuất trong điều kiện có chiến tranh. Công nghiệp địa phương phát triển mạnh.

Đời sống nhân dân căn bản được ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt. Công tác nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên được đẩy mạnh, vừa phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế trước mắt, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy 140 tàu chiến của địch. Nhiệm vụ chi viện tiền tuyến được hoàn thành xuất sắc, góp phần cùng quân dân miền Nam đánh bại cuộc “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Chỉ tính riêng trong năm 1967, đã có hơn 94.000 cán bộ, chiến sĩ (tăng 1,5 lần so với năm 1966) được tổ chức biên chế thành từng trung đoàn, sư đoàn bộ binh và binh chủng kỹ thuật bổ sung cho các chiến trường Trị Thiên, Khu V, Tây Nguyên, Nam Bộ, nâng tổng số quân giải phóng miền Nam lên 220.000 quân chủ lực và 57.000 quân địa phương, không kể lực lượng dân quân, du kích, tự vệ. Năm 1968, hơn 14 vạn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc hành quân vào Nam nhanh chóng tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

Ở miền Nam: Cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ tiến hành là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, mạnh nhất, kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai với sự tham gia của quân đội Mỹ và nhiều nước chư hầu.

Vào đầu mùa khô 1965-1966, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ đã huy động 70 vạn quân, trong đó có gần 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào ba hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng Khu V và miền Đông Nam Bộ bao gồm cả vùng

ngoại thành Sài Gòn. Mục tiêu của cuộc phản công này là “tìm diệt” quân giải phóng, giành lại quyền chủ động chiến trường, “bình định” các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng ở những địa bàn nói trên.

Theo đường lối kháng chiến của Đảng và được hậu phương miền Bắc ra sức chi viện, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu chống lại cuộc “chiến tranh cục bộ” của Mỹ và tay sai. Năm 1965, quân dân ta tập trung tìm hiểu đối phương, tìm cách đánh Mỹ. Quân và dân miền Nam đã đánh thắng quân chiến đấu Mỹ ở Núi Thành (5-1965), Vạn Tường (8-1965), Plâyme (11-1965)..., bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, làm thất bại kế hoạch tìm và diệt, bình định nhằm giành quyền chủ động trên chiến trường của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn. Miền Bắc bước đầu đánh thắng chiến tranh phá hoại, đảm bảo giao thông thông suốt, chi viện cho chiến trường ngày càng nhiều và hiệu quả.

Sau chiến thắng Vạn Tường, một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy được đẩy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam. Với thể trận chiến tranh nhân dân được xây dựng và phát triển trên ba vùng chiến lược, quân và dân miền Nam đã giữ vững quyền chủ động trên khắp chiến trường, vừa phản công tiêu diệt địch trong các cuộc hành quân của Mỹ, vừa chủ động tiến công, thọc sâu vào các vùng quân địch kiểm soát, các căn cứ đóng quân, các kho hậu cần và ngay ở cả sào huyệt chính của chúng tại Sài Gòn. Cùng với thắng lợi về quân sự, quân và dân ta còn giành được nhiều thắng lợi trên mặt trận chống phá “bình định” của Mỹ-ngụy. Toàn bộ kế hoạch lập 900 ấp chiến lược mới và củng cố hàng chục ngàn ấp chiến lược cũ của địch trong năm 1966 bị thất bại.

Đến mùa khô 1966-1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề.